



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Kiến tạo hòa bình và bảo đảm quyền con người trong bối cảnh thế giới thay đổi: Quan điểm và chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam

11 VŨ VĂN HIỀN:

80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 - Rạng rỡ Việt Nam

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

17 LÊ VĂN LỢI:

Chủ nghĩa tư bản hiện đại và vấn đề đặt ra đối với bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân

28 **NGUYỄN MINH VŨ:**

Tình hình thế giới và khu vực Đông Á hiện nay, vai trò của Việt Nam trong kiến tạo nền hòa bình, bảo đảm quyền con người vì một thế giới phát triển, an ninh, thịnh vượng

41 **CAO VĂN TRỌNG:**

Xây dựng hậu phương Quân khu 4 - Tầm nhìn chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

52 **TRẦN ĐỨC VIÊN:**

Quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới

63 **NGUYỄN VĂN HÙNG:**

Chuyển đổi số và những yêu cầu đặt ra đối với chất lượng đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược các cơ quan Đảng Trung ương



SỰ KIỆN

KIẾN TẠO HÒA BÌNH VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH THẾ GIỚI THAY ĐỔI: QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phát biểu của đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội thảo Lý luận lần thứ 11 với Đảng Cộng sản Nhật Bản.

Được sống trong môi trường an toàn, trân trọng phẩm giá với đầy đủ điều kiện vật chất, tinh thần cần thiết là quyền tự nhiên bất khả xâm phạm, là nguyện vọng chính đáng của mỗi con người và ước nguyện chung của toàn nhân loại. Người dân được sống trong yên bình, ấm no, hạnh phúc, được phát triển toàn diện là mục đích tối thượng của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Do đó, việc kiến tạo và bảo vệ hòa bình, bảo vệ quyền

con người đã trở thành những giá trị, mục tiêu và chuẩn mực chung của cộng đồng quốc tế.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất của chúng tôi đã từng chia sẻ về một khát vọng, một mong muốn cháy bỏng: “là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng

được học hành”. Đó cũng là ước vọng chung của Nhân dân toàn thế giới về hòa bình, độc lập và quyền tự quyết dân tộc, bảo đảm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa - những điều được trân trọng và được khẳng định rất rõ ràng trong Hiến chương Liên hợp quốc và Tuyên ngôn Nhân quyền Thế giới.

Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã trích lại những lời bất hủ trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1789 khẳng định những quyền tự nhiên, bất khả xâm phạm của con người, đó là: quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc. Đây là những quyền cơ bản tạo nên phẩm giá con người mà trong thời đại ngày nay bất kỳ quốc gia, dân tộc nào muốn phát triển thịnh vượng và trường tồn đều phải tôn trọng, bảo vệ và nghiêm túc thực hiện.

Trải qua 80 năm kể từ ngày thành lập đến nay, đất nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và ánh sáng soi đường của chủ

nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã vượt qua những chặng đường lịch sử đầy gian nan, thử thách, kiên trì theo đuổi lý tưởng: độc lập của dân tộc và tự do, hạnh phúc cho Nhân dân Việt Nam; và có những đóng góp quan trọng cho hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển của thế giới.

Sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ đói nghèo, lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình cao; đạt được những thành tựu vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử về phát triển kinh tế-xã hội, giảm nghèo, phát triển toàn diện con người, bảo đảm công bằng xã hội, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia được gia tăng, vị thế và uy tín của Việt Nam không ngừng được nâng cao trong nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu và nền văn minh nhân loại.

Từ một đất nước bị bao vây, cô lập, cấm vận, ngày nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia; có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 13 nước. Đặc biệt, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện hoặc đối tác chiến lược với tất cả 5 nước Ủy viên thường trực Hội



Quân đội, công an hợp luyện chuẩn bị 80 năm Quốc khánh _ Ảnh: plo.vn

đồng Bảo an Liên hợp quốc; tham gia nhiều tổ chức, định chế quốc tế có vai trò quan trọng đối với hòa bình và an ninh quốc tế. Điều này góp phần định vị vững chắc vị thế của Việt Nam trong bối cảnh thế giới diễn ra những thay đổi mang tính thời đại; giúp Việt Nam ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ xung đột, chiến tranh “từ sớm, từ xa”, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển đột phá đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Cùng với tiến trình đổi mới, hội nhập

và phát triển của đất nước, các quyền con người cơ bản, như: quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền về giáo dục, bảo đảm an sinh xã hội, các quyền tự do dân chủ trên lĩnh vực chính trị, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do báo chí, tiếp cận thông tin đều đạt những tiến bộ rõ rệt. Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2023 đạt 0,766 điểm, thuộc nhóm quốc gia có mức phát triển con người cao. Xếp hạng chỉ số hạnh phúc năm 2025 đứng thứ 46 trên 143 quốc gia. Chất lượng sức khỏe người dân đã được cải thiện đáng kể, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập.

Việc bảo đảm, bảo vệ quyền của trẻ em, bình đẳng giới, quyền của người khuyết tật, người cao tuổi, cộng đồng LGBT, người dân tộc thiểu số và người dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, biên giới, hải đảo được quan tâm, chăm lo. Việt Nam hiện đã tham gia 7/9 điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người cùng 25 công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về quyền lao động. Theo đánh giá của Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres, những thành tựu trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người đó là “minh chứng rõ nét cho sự quật cường và nỗ lực của người dân Việt Nam và cho các chính sách lấy người dân làm trung tâm của phát triển”.

Với thế và lực mới, Việt Nam đã và đang có nhiều đóng góp thiết thực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế

trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới và phát triển con người. Việt Nam đã nỗ lực tham gia xây dựng các văn kiện quan trọng trong hệ thống Liên hợp quốc về kiến tạo hòa bình, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người,

trong đó có những sáng kiến do Việt Nam chủ trì soạn thảo.

Khi trên cương vị Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Việt Nam đã xử lý nhanh chóng, chính xác các vấn đề phức tạp về hòa bình và an ninh thế giới thuộc thẩm quyền của Hội đồng Bảo an, đóng góp hiệu quả vào cơ chế đa phương rất quan trọng này. Việt Nam cũng tích cực tham gia các cơ chế đối thoại, hợp tác an ninh khu vực và thế giới, tiêu biểu là Hội nghị Bộ trưởng

Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Đối thoại Shangri-La, cũng như nhiều sáng kiến đa

Với thế và lực mới, Việt Nam đã và đang có nhiều đóng góp thiết thực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới và phát triển con người. Việt Nam đã nỗ lực tham gia xây dựng các văn kiện quan trọng trong hệ thống Liên hợp quốc về kiến tạo hòa bình, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, trong đó có những sáng kiến do Việt Nam chủ trì soạn thảo.

phương khác về an ninh truyền thống và phi truyền thống; qua đó, kiên định thúc đẩy các nguyên tắc giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, đề cao vai trò của luật pháp quốc tế, tăng cường đối thoại và xây dựng lòng tin giữa các quốc gia. Đặc biệt, Việt Nam đã rất nỗ lực tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, các hoạt động cứu trợ nhân đạo khẩn cấp của cộng đồng quốc tế.

Trên cương vị thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014-2016 và 2023-2025, sự tham gia và đóng góp của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Việt Nam cũng là một trong những nước ủng hộ mạnh mẽ nhất và tham gia có trách nhiệm với nhiều cách làm, kinh nghiệm hay trong tiến trình Rà soát Định kỳ Phổ quát (UPR) - là tiến trình đặc thù và quan trọng hàng đầu của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc. Với tinh thần tích cực và trách nhiệm cao, Việt Nam sẽ tái ứng cử Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2026-2028.

Đạt được những thành tựu hết sức quan trọng nói trên, trước hết là nhờ những chủ trương, đường lối lãnh đạo

đúng đắn, sáng suốt và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đó là đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ; là bạn tốt, là đối tác tin cậy với các nước trên thế giới; là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; cùng các nước xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, phát triển trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, tôn trọng luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi.

Chúng tôi chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy vai trò tiên phong của ngoại giao toàn diện để tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của cộng đồng quốc tế, tạo lập môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển; thực hiện kế sách giữ nước “từ sớm, từ xa”, từ khi nước chưa nguy; xây dựng “thế trận lòng dân” gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng tôi chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, mang đặc trưng là hòa bình và tự vệ; có mục tiêu xuyên suốt là: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế; tích cực, chủ động, kiên quyết, kiên trì ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước; đóng góp hiệu quả cho hòa bình và phát triển của thế giới. Chúng tôi thực hiện “bốn không” trong đường lối quốc phòng: không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống lại nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Phát huy truyền thống hòa hiếu, nhân văn của dân tộc, chúng tôi lựa chọn hòa bình và tôn trọng công lý, chọn chính nghĩa chứ không chọn bên, phản đối sử dụng bạo lực và chiến tranh phi nghĩa. Chúng tôi luôn quan niệm “người trước, súng sau” trong sự nghiệp quốc phòng và an ninh, coi

trọng nhân tố con người, coi bảo đảm an ninh, an sinh, an toàn của người dân, bảo vệ cuộc sống của người dân, bảo vệ an ninh con người là trung tâm của bảo vệ an ninh quốc gia; quán triệt sâu sắc phương châm: ổn định để phát triển, phát triển để ổn định và nâng cao đời sống, hạnh phúc của Nhân dân. Đó cũng là sự vận dụng sáng tạo, thực hành nhuần nhuyễn nguyên tắc “đĩ bất biến, ứng vạn biến” trong cách ứng xử của Việt Nam trước những thay đổi nhanh chóng của thế giới hiện nay.

Với nhận thức sâu sắc về mục tiêu phát triển, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) năm 2011 của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển con người, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã dành hẳn một chương để quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Trên nền tảng đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật và từng bước tổ chức thực hiện, mang lại những tác động tích cực, hiệu quả thiết

thực trong thực tiễn đời sống; thể hiện ở một số nội dung nổi bật là: (i) Gần quyền con người với quyền và lợi ích của quốc gia, dân tộc và quyền làm chủ của Nhân dân; (ii) Lấy con người (Nhân dân) làm trung tâm, là mục tiêu, động lực, nguồn lực của mọi chính sách, chiến lược phát triển đất nước nhanh và bền vững; (iii) Coi việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trọng tâm là hoàn thiện hệ thống pháp luật có ý nghĩa then chốt đối với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân và phát triển con người Việt Nam toàn diện; (iv) Kiên quyết đấu tranh với những hành vi vi phạm dân chủ, quyền và lợi ích của người dân, cộng đồng cũng như các âm mưu, ý đồ phá hoại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước.

Chúng ta đang sống trong một thế giới diễn ra những thay đổi mang tính thời đại, biến động nhanh chóng, phức tạp, thời cơ và thách thức đan xen, trong đó nhiều nguy cơ tiềm ẩn khó dự báo. Môi trường chính trị, kinh tế và

an ninh toàn cầu liên tục bất ổn, chịu tác động sâu sắc bởi xung đột vũ trang, sự áp đặt cường quyền, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, thực dụng và dân túy. Các hình thái chiến tranh, xung đột vũ trang mới cùng với thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng phức tạp, đan xen, tác động sâu sắc đến vấn đề bảo đảm quyền con người, an ninh con người. Các nước đang phát triển, các nước đi sau đang và sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thậm chí có mặt gay gắt, nặng nề hơn so với giai đoạn trước.

Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam xin trao đổi, chia sẻ với Đảng Cộng sản Nhật Bản một số quan điểm, định hướng giải pháp chủ yếu để tiếp tục đóng góp vào nỗ lực chung của nhân loại trong kiến tạo, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và bảo đảm quyền con người ở mỗi quốc gia, trong khu vực và trên thế giới, cụ thể là:

Thứ nhất, kiên quyết, kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Từ kinh nghiệm lịch sử, cả Việt Nam và Nhật Bản đều nhận thức sâu sắc rằng, không có hòa bình thì các quyền cơ bản như: quyền sống, quyền an

toàn, quyền học tập, lao động, phát triển và quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người dân đều không thể được bảo đảm trọn vẹn. Đối thoại cởi mở trên tinh thần xây dựng cần trở thành phương thức căn bản để giải quyết mọi bất đồng, ngăn ngừa mọi xung đột, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và củng cố lòng tin chiến lược giữa các quốc gia.

Thứ hai, nhất quán đề cao nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; tôn trọng luật pháp quốc tế và những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc. Trong bối cảnh các thách thức toàn cầu gia tăng, Việt Nam và Nhật Bản cần tiếp tục phối hợp trong việc kiến tạo, đề xuất sáng kiến, tham gia định hình các thể chế quản trị toàn cầu, các thể chế đa phương minh bạch, công bằng và dân chủ, góp phần giải quyết hiệu quả các vấn đề quốc tế, vì hòa bình, phát triển và phẩm giá con người.

Thứ ba, đặt quyền con người ở vị trí trung tâm của quyền phát triển; tiếp cận quyền con người một cách toàn diện, đặt trong tổng thể của sự phát

triển bao trùm và bền vững, trên nguyên tắc “toàn dân, toàn cầu và toàn diện” trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục, y tế..., chú trọng tiếp cận công nghệ số. Đặc biệt chú trọng bảo vệ nhóm yếu thế, thực hiện bình đẳng giới; bảo đảm và bảo vệ quyền con người trước tác động tiêu cực của các xu hướng như già hóa dân số, biến đổi khí hậu và thay đổi nhanh chóng của công nghệ... Hai nước cần khẳng định: phải có cách tiếp cận khách quan, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia đối với vấn đề nhân quyền; kiên quyết phản đối việc lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

Với truyền thống đoàn kết, gắn bó, sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau, tôi tin tưởng rằng, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản, mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng tại châu Á và trên thế giới Việt Nam-Nhật Bản sẽ phát triển ngày càng sâu sắc, thực chất và hiệu quả, đóng góp tích cực vào hòa bình, hợp tác, phát triển, tiến bộ của mỗi nước, trong khu vực và trên thế giới ■

80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 RẠNG RỠ VIỆT NAM

★ GS, TS VŨ VĂN HIỀN

1. Cách mạng Tháng Tám - Một kỳ tích lịch sử

Năm 2025, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hướng tới Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám, một trang vàng lịch sử dân tộc Việt Nam, một sự kiện vĩ đại đã làm cho mơ ước ngàn đời của Nhân dân ta về độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh, tự do, ấm no, hạnh phúc trở thành hiện thực. Cách mạng Tháng Tám là sự kiện chính trị đặc biệt thể hiện sự quật khởi của quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong suốt 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh, Cuộc vận động dân chủ năm 1936-1939,

đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Lịch sử 80 năm đã qua càng cho thấy những yếu tố vững chắc để khẳng định Cách mạng Tháng Tám không chỉ là cột mốc vàng trong lịch sử hào hùng của dân tộc ta, mà còn là kỳ tích lịch sử ghi đậm dấu ấn vào phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của thế kỷ XX.

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 thật ngoạn mục, không thể trọn vẹn hơn. Trong thời gian ngắn, với khí thế cách mạng dâng trào như nước vỡ bờ, cuộc Tổng khởi nghĩa giải quyết bốn mục đích hết sức cơ bản và phức tạp: Chấm dứt chế độ phong kiến hàng nghìn năm; Chấm dứt gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp, 5 năm chiếm đóng và khống chế của Nhật; Thống nhất đất nước, đưa giang sơn thu về một mối;

Giành quyền dân chủ cho quần chúng lao động, dựng lên Nhà nước Cộng hoà đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và ở Đông Nam Á.

Do được chuẩn bị lực lượng thật chu đáo, lại phát động nổi dậy đúng lúc, phương thức hành động hợp lý, mau lẹ và sát hợp với từng nơi, với một sức mạnh áp đảo nên chúng ta đã giành được chính quyền mà hầu như không đổ máu. Cách mạng nổ ra đồng loạt trên khắp đất nước như vũ bão mà không bị tổn thất máu xương, thật là hiếm có và đây là bài học quý báu. Không chỉ có thế, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám còn đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới một cách thức độc đáo và hiệu quả để chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, cổ vũ các dân tộc đứng lên tự giải phóng cho mình.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám càng trọn vẹn hơn đó là cuộc

cách mạng của Nhân dân, vì Nhân dân và do Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc cách mạng đó tập hợp được sức

manh dân tộc, sức mạnh thời đại và đến khi thắng lợi lại hình thành nên sức mạnh mới, là điều kiện để chính quyền cách mạng của

Nhân dân lập nên ngay sau đó, nhân danh dân tộc Việt Nam vùng lên và chiến thắng bọn đế quốc cùng các thế lực thù địch. Chính vì thế, Cách mạng Tháng Tám cùng với việc lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là bước khởi đầu huy hoàng cho những giai đoạn tiếp theo của cách mạng Việt

Cách mạng Tháng Tám cùng với việc lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là bước khởi đầu huy hoàng cho những giai đoạn tiếp theo của cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc và đất nước Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do, hạnh phúc.

Nam, đưa dân tộc và đất nước Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do, hạnh phúc.

Cách mạng Tháng Tám đem lại cho chúng ta những bài học vô cùng quý báu: Bài học về sự sáng tạo, nhận đúng và tận dụng thời cơ thuận lợi để tiến hành tổng khởi nghĩa; bài học về việc phát huy sức mạnh đại

đoàn kết toàn dân tộc để phát động, tập hợp quần chúng Nhân dân thực hiện những nhiệm vụ trọng đại của sự nghiệp cách mạng; bài học về sự gắn kết đặc biệt giữa sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với lòng mong muốn thiết tha của Nhân dân, đáp ứng nhu cầu chính đáng của dân tộc, của đất nước, tạo ra sức mạnh vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám gắn chặt với việc lập ra nước Việt Nam mới. Có một sự chuẩn bị và sắp đặt thần kỳ, chỉ chưa đầy nửa tháng sau khi giành được chính quyền, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời.

“Tôi nói đồng bào nghe rõ không?” - Câu nói thấm đậm tình cảm ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945 đã mãi mãi được khắc ghi trong lòng người Việt Nam. Cũng tại đây, trong giờ phút thiêng liêng ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Cùng với *“Nam*

quốc sơn hà” của Lý Thường kiệt, *“Bình Ngô đại cáo”* của Nguyễn Trãi, *“Tuyên ngôn Độc lập”* là một trong những *“Thiên cổ hùng văn”* của nước ta với câu mở đầu bất hủ: *“Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*.

Tròn 80 năm kể từ ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dân tộc ta đã trải qua nhiều bước ngoặt trọng đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và ánh sáng soi đường của tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta đã làm nên những thắng lợi vĩ đại, biến một đất nước nghèo nàn, lạc hậu thành một đất nước có cơ đồ vững mạnh, tươi sáng, vị thế và uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao. Nhìn lại chặng đường 80 năm vẻ vang, chúng ta càng thêm tự hào, trân trọng những thành quả đạt được trong việc thực hiện mục tiêu và sự nghiệp cao cả: Một nước Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc.

2. Vì độc lập, tự do của Tổ quốc

“Không có gì quý hơn độc lập tự do”, đó là lời nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, là ý tưởng cao đẹp mà cả cuộc đời Bác đã cống hiến, hy sinh cho dân tộc Việt Nam. Đó cũng là lời hiệu triệu cho toàn Đảng, toàn dân ta mài sắc ý chí, chung sức đồng lòng để giành và giữ độc lập tự do của đất nước, của dân tộc. Trong sự nghiệp cao cả chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã lập nên những chiến công chói lọi, tô điểm thêm những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam. Có thể nêu bật hai kỳ tích lịch sử:

Thứ nhất, chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Điện Biên Phủ là một địa danh lịch sử, cách Hà Nội khoảng 500 km. Cuối năm 1953, thực dân Pháp tập trung lực lượng để xây dựng một tập đoàn quân sự gồm 49 cứ điểm với binh lực 17 tiểu đoàn bộ binh, 03 tiểu đoàn pháo binh, cùng các đơn vị công binh, vận tải, không quân tinh nhuệ. Đây không chỉ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương thời đó, mà còn mạnh nhất tại

các nước thuộc địa của thực dân Pháp. Tuy vậy, với bản lĩnh, trí tuệ và sức mạnh Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, quân đội ta đã tiến công và tiêu diệt toàn bộ cứ điểm này sau 56 ngày đêm chiến đấu oanh liệt.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã được dư luận quốc tế sánh ngang với nhiều trận đánh nổi tiếng lịch sử chiến tranh thế giới như: Waterloo, Borodino, Stalingrad v.v... Đó không chỉ là chiến thắng oanh liệt của Nhân dân Việt Nam kết thúc hoàn toàn sự đô hộ của thực dân Pháp sau gần 100 năm, mà còn là khởi đầu cho phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa chống lại sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Dân tộc Việt Nam làm nên Điện Biên Phủ, mở ra kỷ nguyên vùng dậy và khả năng chiến thắng của các dân tộc thuộc địa. Lịch sử giao phó và dân tộc Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc sự ủy thác này của lịch sử. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một trang vàng truyền thống của lịch sử Việt Nam, in sâu vào ký ức của thế hệ hôm nay và mãi mãi về sau.

Thứ hai, Đại thắng mùa Xuân năm 1975, một chiến công chói lọi, là thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ta đã đánh bại hoàn toàn quân Ngụy trên một mặt trận, do Mỹ tổ chức, huấn luyện, nuôi dưỡng và trang bị các phương tiện vũ khí hiện đại cùng với hệ thống phòng thủ, bố trí chiến lược hoàn chỉnh. Trong cuộc chiến tranh này, đế quốc Mỹ đã tiêu tốn tới 676 tỷ USD (tính từ năm 1954 - 1975); nếu so với Chiến tranh thế giới thứ nhất là 25 tỷ USD; chiến tranh thế giới thứ hai là 341 tỷ và Chiến tranh Triều Tiên là 54 tỷ, thì chi phí của Mỹ cho cuộc chiến tranh tại Việt Nam là một con số khổng lồ. Trong 9 năm trực tiếp đưa quân tham chiến tại miền Nam Việt Nam, có khoảng gần 58 nghìn lính Mỹ đã thiệt mạng. Đây là tổn thất to lớn của Mỹ.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”; giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã kết thúc oanh liệt quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, đưa tới kết quả vô cùng tự

hào, đất nước mãi mãi thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cùng với hai chiến công vĩ đại ấy, trong điều kiện vô cùng khó khăn phải hàn gắn những vết thương chiến tranh sau ngày thống nhất đất nước, quân và dân ta tiếp tục phải đương đầu và chiến thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc. Những chiến công lừng lẫy của chúng ta không chỉ ghi tạc trong các trang vàng lịch sử, mà còn khẳng định ý chí kiên cường và sức mạnh vô địch của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trong việc giành và giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

3. Vì hạnh phúc của Nhân dân

Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền tảng trọng yếu để bảo đảm và ngày càng nâng cao đời sống của Nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tỏ rõ tính độc lập, tự chủ trong đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, đưa nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một quốc

gia độc lập, tự do; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta có những bước phát triển mới, vững chắc.

Bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là việc Đảng ta phát động và lãnh đạo tổ chức thực hiện sự nghiệp đổi mới, tạo ra bước đột phá lớn và toàn diện, làm xoay chuyển tình hình đưa đất nước tiến lên. Chính đổi mới đã đưa đất nước ta từ chỗ thiếu thốn, hàng năm phải nhập lương thực để đảm bảo mức sống tối thiểu, nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng nhất nhì thế giới. Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn tới thành thị, từ miền núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Cũng chưa bao giờ phong cách sống và làm việc của mọi người lại có những nét mới mẻ, tươi vui và sinh động như hôm nay. Đổi mới đã đem đến một sức sống mới cho đất nước, tiếp sức và nâng bước cho đôi chân chúng ta trên con đường hạnh phúc.

Rõ ràng, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và 80 năm không ngừng

phát triển của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chặng đường rất đỗi vinh quang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của Nhân dân. Thực tế đã chứng tỏ con đường cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội là hết sức đúng đắn, sáng tạo. Và hiện nay đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo, tổ chức thực hiện rất phù hợp với nhịp bước của thời đại. Đổi mới và hội nhập quốc tế là hai nhiệm vụ chiến lược thực hiện mục tiêu chung phát triển đất nước. Thành công của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế đã làm thay đổi rõ rệt diện mạo của đất nước, tăng cường xung lực cho đời sống xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ta. Cơ đồ của đất nước chưa bao giờ lớn mạnh như hiện nay. Đất nước ngày càng phát triển vững chắc tạo phong độ mới, thể mới, lực mới để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới vươn mình, tất cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

★ GS, TS LÊ VĂN LỢI

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Vai trò và hạn chế

Trải qua quá trình 400 năm tồn tại và phát triển, chủ nghĩa tư bản (CNTB) thể hiện không chỉ là một hệ thống kinh tế có sức mạnh to lớn, mà còn có khả năng điều chỉnh, thích nghi để phát triển. Từ CNTB tự do cạnh tranh khai sơ, CNTB đã phát triển thành CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước và ngày nay là CNTB hiện đại trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hóa. Theo nhiều nhà nghiên cứu, CNTB hiện đại ra đời từ sau chiến tranh thế giới thứ hai với

những đặc trưng cơ bản như: độc quyền nhà nước, có sức sản xuất cao, lực lượng lao động có những chuyển biến quan trọng về cơ cấu, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, hệ thống mang tính thế giới và ngày càng mang tính toàn cầu hóa. Trong điều kiện toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0, CNTB hiện đại ngày nay gắn liền với công nghệ số, nên cũng có thể gọi là CNTB kỹ thuật số, hay CNTB công nghệ số. Các công nghệ cốt lõi như Trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa, dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), và công nghệ chuỗi khối (Blockchain)

đang làm thay đổi căn bản mô hình sản xuất và kinh doanh. Nổi bật nhất là sự phát triển của kinh tế nền tảng (Platform Economy), nơi các nền tảng số khổng lồ như Uber, Grab (vận chuyển), Foodpanda, ShopeeFood (giao hàng), Shopee, Lazada (thương mại điện tử) đóng vai trò trung gian kết nối người cung cấp dịch vụ và người tiêu dùng. Điều này không chỉ tạo ra các ngành nghề mới mà còn định hình lại quan hệ lao động, từ mô hình truyền thống sang các hình thức linh hoạt hơn.

Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa tư bản có vai trò to lớn đối với sự phát triển của nhân loại. Đúng như C. Mác và Ph.Ăng ghen đã khẳng định: Chủ nghĩa tư bản, với tư cách là phương thức sản xuất được hình thành và thay thế phương thức sản xuất phong kiến trong lịch sử, là chế độ kinh tế - xã hội tiến bộ hơn nhiều so với các chế độ kinh tế - xã hội trước đó. Đặc biệt, nhờ vận dụng hiệu quả quy luật của kinh tế thị trường, giai cấp tư sản trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ, “đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước gộp lại”¹. Đặc biệt, CNTB hiện đại với việc đẩy

mạnh phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ và những điều chỉnh trong quan hệ sản xuất, không chỉ thúc đẩy sức sản xuất xã hội phát triển vượt bậc mà còn tạo ra khả năng giải quyết tạm thời các mâu thuẫn xã hội. Vai trò của CNTB hiện đại thể hiện trên một số phương diện chủ yếu:

Một là: Tiến bộ và những đột phá khoa học, kỹ thuật, công nghệ đã mở ra không gian rộng lớn, nâng cao năng suất sản xuất lao động, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn khổng lồ và đặc biệt là thúc đẩy nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất tập trung quy mô lớn, hiện đại.

Hai là: Quá trình phát triển của CNTB đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao: chuyển từ kỹ thuật lao động thủ công lên kỹ thuật cơ khí, sang tự động hóa, tin học hóa, số hóa... Cùng với sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ là quá trình giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả khám phá và chinh phục tự nhiên của con người. CNTB có công lớn trong phát triển các cuộc cách mạng công nghiệp và hiện nay là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xuất hiện

vào đầu thế kỷ XXI, chuyển nền kinh tế của nhân loại bước vào một thời đại mới - thời đại của kinh tế tri thức. Hiện nay, CNTB vẫn đang chiếm ưu thế tuyệt đối về khoa học công nghệ, thích ứng nhanh với thời đại số, phương thức sản xuất số mới, và thực tế đang dẫn dắt công nghệ trong đa số các lĩnh vực của đời sống nhân loại.

Ba là: CNTB hiện đại đã thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa phát triển mạnh và đạt tới mức điển hình nhất trong lịch sử, cùng với nó là quá trình xã hội hóa sản xuất cả về chiều rộng và chiều sâu. Đó là sự phát triển của phân công lao động xã hội; chuyên môn hóa sản xuất và hợp tác lao động sâu sắc; mối liên hệ kinh tế giữa các đơn vị, các ngành, các lĩnh vực, giữa các quốc gia ngày càng chặt chẽ... làm cho các quá trình sản xuất phân tán được liên kết với nhau và phụ thuộc lẫn nhau thành một hệ thống, một quá trình sản xuất xã hội thống nhất. Đây cũng là một trong những điều kiện về kinh tế thuận lợi thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển ngày càng cao hơn.

Bốn là: CNTB hiện đại điều chỉnh quan hệ sản xuất theo hướng gia tăng vai trò của chủ sở hữu của Nhà nước,

mở rộng sở hữu nhất định cho công nhân, cải tiến tổ chức quản lý và phân phối, đã tạo động lực cho sự phát triển của sức sản xuất xã hội. Đặc biệt, Nhà nước tư sản, thông qua tăng cường chức năng xã hội của nhà nước và bằng các công cụ thuế để phân phối lại, thực hiện chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, định hướng cho các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội, đã làm giảm bớt sự phân hóa và các mâu thuẫn, xung đột xã hội.

Mặc dù có vai trò rất lớn và đã có sự điều chỉnh nhiều mặt để thích nghi và phát triển, nhưng CNTB hiện đại không thay đổi bản chất của nó là chạy theo lợi nhuận, bóc lột giá trị thặng dư và do đó gây ra rất nhiều hệ lụy cho nhân loại. Những hạn chế nổi bật của CNTB, kể cả CNTB hiện đại hiện nay là:

(i) *Mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa trước hết tập trung chủ yếu vì lợi ích của giai cấp tư sản, không phải vì lợi ích của đại đa số quần chúng Nhân dân lao động.* Mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải vì lợi ích của đông đảo quần chúng Nhân dân lao động, mà chủ yếu là vì lợi ích thiểu số giai cấp tư sản, của tư bản độc quyền, nhất là

tư bản tài chính. Cở sở kinh tế của CNTB là dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, trong đó giai cấp công nhân là những người lao động không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho các nhà tư bản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Trong CNTB hiện đại, tư liệu sản xuất vẫn tập trung trong tay các nhà tư bản, đặc biệt là nằm trong tay các tập đoàn tư bản độc quyền, do đó họ là người chi phối việc phân phối sản phẩm xã hội sản xuất ra vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, của một nhóm nhỏ tư bản độc quyền. Theo đuổi lợi nhuận là mục tiêu cao nhất và cuối cùng của các nhà tư bản, đúng như C.Mác đã khẳng định “sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất này”². Vì mục đích lợi nhuận độc quyền, các tập đoàn độc quyền không giảm giá cả hàng hóa sản xuất ra, mà họ luôn áp đặt giá bán cao và giá mua thấp, hạn chế sản lượng hàng hóa; các hoạt động nghiên cứu, phát minh, sáng chế chỉ được thực hiện khi vị thế độc quyền của họ được đảm bảo, không có nguy cơ bị lung lay. Do vậy, tư bản độc quyền cũng đã ít nhiều

làm kìm hãm cơ hội có thể phát triển tốt hơn cho nhân loại.

(ii) *Sự phân hóa giàu nghèo ở chính ngay trong lòng các nước tư bản và có xu hướng ngày càng sâu sắc.* Sự phân hóa, chênh lệch giàu nghèo trong các nước tư bản đã tồn tại ngay từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời bằng quá trình tích lũy nguyên thủy của tư bản - giai cấp tư sản dùng “bạo lực” để tước đoạt tư liệu sản xuất của những người sản xuất nhỏ, đặc biệt là những người nông dân cá thể. CNTB càng phát triển, tích lũy, tích tụ và tập trung tư bản càng cao, giá trị thặng dư mà các tập đoàn tư bản độc quyền thu được càng lớn, điều đó cũng đồng nghĩa với việc đông đảo giai cấp công nhân và Nhân dân lao động bị “bần cùng hóa”, làm cho thu nhập của giai cấp công nhân ngày càng giảm cả tương đối và tuyệt đối, còn thu nhập của giai cấp tư sản thì ngược lại.

(iii) *CNTB hiện đại dù đã có điều chỉnh nhưng vẫn là chế độ bất bình đẳng xã hội.* Sự bất bình đẳng xã hội có gốc rễ từ bất bình đẳng trong sở hữu tư liệu sản xuất và dẫn theo đó là bất bình đẳng trong sở hữu tài sản. Sự phân hóa giàu nghèo vừa là biểu hiện của bất bình đẳng xã hội vừa là tác nhân tạo ra

các bất bình đẳng trong các phương diện khác của đời sống xã hội, như bất bình đẳng về cơ hội, về bảo đảm quyền. Đặc biệt, sự bất bình đẳng trong CNTB hiện đại nhất là các nước tư bản phương Tây thể hiện ở sự phân biệt đối xử giữa các giai tầng, nạn phân biệt chủng tộc. Trên phạm vi thế giới, sự bất bình đẳng thể hiện ở mối quan hệ giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang và kém phát triển. Các nước tư bản phát triển chi phối hầu như các vấn đề quan trọng trên thế giới, buộc các nước đang và kém phát triển phụ thuộc vào mình theo nhiều cách khác nhau.

(iv) *CNTB là một trong những nguyên nhân châm ngòi của hầu hết các cuộc chiến tranh trên thế giới.* Vì sự tồn tại, phát triển, các cường quốc tư bản ra sức chiếm lĩnh thuộc địa, chiếm lĩnh thị trường, các cường quốc tư bản đã tiến hành phân chia lãnh thổ, thị trường thế giới. Nhưng do sự phân chia lãnh thổ và thị trường thế giới dựa vào sức mạnh của các cường quốc tư bản, hơn nữa do sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của các nước tư bản, tất yếu dẫn đến các cuộc chiến tranh đòi phân chia lại thị trường thế giới sau khi đã chia xong. Đó chính là nguyên nhân

chính dẫn đến hàng trăm cuộc chiến tranh trên thế giới và là nguyên nhân của các cuộc chạy đua vũ trang. Sang đầu thế kỷ XXI, chiến tranh lạnh đã tạm thời kết thúc, nhưng cũng có thể quay lại bất cứ lúc nào; nguy cơ chiến tranh thế giới cũng đã bị đẩy lùi, nhưng điều đó không có nghĩa là chiến tranh đã bị loại trừ hoàn toàn và hàng chục cuộc chiến tranh cục bộ, chiến tranh khu vực, chiến tranh sắc tộc và chiến tranh thương mại vẫn liên tiếp xảy ra, trong đó hoặc đứng bên trong hay đằng sau, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, hoặc ngầm ngấm hay công khai đều có “bàn tay” của các cường quốc tư bản.

Ngày nay chủ nghĩa tư bản đang có nhiều biểu hiện mới về sự dịch chuyển sở hữu, dịch chuyển cách thức sản xuất mới, thích ứng với xã hội số, kinh tế số, sản xuất xanh, tuần hoàn, phát triển mạnh khoa học công nghệ, song từ trong bản chất, những biểu hiện mới này chưa làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản.

2. Những vấn đề đặt ra đối với quyền lợi giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản hiện đại

Như đã nêu, CNTB hiện đại đang phát triển sang một hình thái mới, đó

là CNTB kỹ thuật số, với biểu hiện rõ nét nhất là thay đổi cả lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cả kiến trúc thượng tầng xã hội.

Về lực lượng sản xuất, CNTB đã chiếm lĩnh khoa học và công nghệ, dẫn dắt Cuộc cách mạng lần thứ tư mà cốt lõi là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây,... CNTB kỹ thuật số tạo ra tài nguyên mới là dữ liệu, là tư liệu sản xuất vô hạn và càng sử dụng nhanh càng có giá trị. Trong nền kinh tế số hóa, công cụ sản xuất mới chủ yếu là công nghệ số, và với sự trợ giúp của AI, tạo ra lực lượng sản xuất mới, tạo ra các mô hình kinh tế mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh. Điều đó tạo điều kiện cho lao động tiếp cận tri thức, kỹ năng mới để thay đổi chính mình, trở thành lực lượng lao động có trình độ cao.

Về quan hệ sản xuất, quan hệ sở hữu không chỉ giới hạn ở tư liệu sản xuất truyền thống, mà đã có sự thay đổi khi sở hữu là sở hữu tư liệu dữ liệu, một dạng tài nguyên vô hạn, khai thác không làm cạn kiệt và có thể nhân giá trị qua các bản sao. Quan hệ tổ chức, quản lý, phân phối cũng có sự thay đổi

khi nền sản xuất đi vào phi tập trung hóa, phi trung gian hóa và phân phối theo đóng góp tri thức, bí quyết công nghệ ngày càng được khẳng định.

Về kiến trúc thượng tầng xã hội, Nhà nước tư sản đã tận dụng sự phát triển của lực lượng sản xuất để điều chỉnh theo hướng chú trọng thực hiện chức năng xã hội, quan tâm đến các vấn đề xã hội, nhất là tìm cách cải thiện an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ quyền con người, cải thiện môi trường,... Đồng thời, nhà nước tư sản cũng tận dụng các thành tựu của công nghệ để cải tiến thể chế, phương thức vận hành, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của quần chúng Nhân dân.

Những biểu hiện mới của CNTB hiện đại trong thời đại số hóa làm cho nhiều người nghĩ rằng, CNTB hiện đại trong thời đại số hóa đã thay đổi bản chất, nhưng thực chất, CNTB không hề thay đổi bản chất của nó. Điều đó thể hiện rõ trong mối quan hệ giữa tư sản và công nhân cũng như đại bộ phận Nhân dân lao động. Riêng với giai cấp công nhân, trong CNTB hiện đại, đặt ra rất nhiều vấn đề về bảo vệ quyền. Cụ thể:

Thứ nhất: *Tác động của Cách mạng*

công nghiệp 4.0 và kinh tế nền tảng.

CNTB hiện đại thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vì mục tiêu lợi nhuận mang đến nguy cơ *thất nghiệp công nghệ và làm phân hóa lao động*. Máy móc, robot và trí tuệ nhân tạo đang dần thay thế lao động giản đơn, lặp đi lặp lại trong nhiều ngành nghề, từ sản xuất, dịch vụ khách hàng đến kế toán, lái xe.

Sự phát triển này cũng gây ra *phân hóa lao động sâu sắc*. Khoảng cách ngày càng lớn giữa lao động có kỹ năng cao (những người làm việc với công nghệ, có khả năng phân tích, sáng tạo) được trả lương cao và lao động giản đơn (dễ bị thay thế, lương thấp) đang gia tăng. Điều này tạo ra một thị trường lao động phân cực, nơi một số người hưởng lợi lớn từ công nghệ trong khi những người khác bị bỏ lại phía sau.

Kinh tế gig (Gig Economy), với sự gia tăng của lao động hợp đồng ngắn hạn, lao động tự do (freelancer) và lao động nền tảng (shipper, tài xế công nghệ), đang làm xói mòn các quyền lợi an sinh xã hội truyền thống. Những người lao động này thường không được hưởng các quyền lợi cơ bản như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, nghỉ

phép có lương, hoặc lương tối thiểu. Mối quan hệ lao động không rõ ràng (người làm công hay đối tác độc lập?) khiến việc bảo vệ quyền lợi của họ trở nên khó khăn.

Thêm vào đó, *giám sát và kiểm soát lao động bằng công nghệ* đang trở thành một vấn đề đáng lo ngại. Các thuật toán và hệ thống giám sát có thể theo dõi hiệu suất làm việc, vị trí, và thậm chí cả cảm xúc của người lao động. Điều này không chỉ gây áp lực lớn mà còn có thể xâm phạm quyền riêng tư và làm suy yếu quyền tự chủ của người lao động.

Thứ hai: *Phân hóa xã hội làm cho khoảng cách giữa giới tư bản và công nhân ngày càng gia tăng*

Như đã nêu trên, một trong những hệ quả rõ rệt nhất của CNTB hiện đại ngày nay là sự *gia tăng khoảng cách giàu nghèo*. Tài sản và thu nhập ngày càng tập trung vào một nhóm nhỏ siêu giàu, trong khi phần lớn giai cấp công nhân và người lao động gặp khó khăn trong việc duy trì mức sống và tích lũy tài sản. Về tổng thể, giai cấp công nhân trên phạm vi toàn thể hệ thống chủ nghĩa tư bản vẫn là giai cấp phụ thuộc vào nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, quy

mô sở hữu của giai cấp công nhân trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chiếm tỷ trọng không đáng kể so với quy mô sở hữu cũng như giá trị tài sản của toàn bộ giai cấp tư sản.

Trong CNTB kỹ thuật số, một bộ phận nhỏ người lao động đã chiếm lĩnh vị trí chi phối quá trình sản xuất số, một số ít người lao động là các kỹ sư phần mềm, người nắm tài sản trí tuệ, bộ phận này chi phối quá trình tổ chức công nghệ sản xuất nên có vai trò ảnh hưởng nhất định đối với giới chủ sở hữu tư bản. Tuy nhiên, thiểu số người như vậy vẫn chưa thay đổi địa vị giai cấp công nhân trong quan hệ với toàn bộ giai cấp tư sản trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Sự bất bình đẳng này còn thể hiện ở việc giảm khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản như giáo dục chất lượng cao và y tế. Các dịch vụ này ngày càng trở nên đắt đỏ, làm giảm cơ hội thăng tiến xã hội của con em công nhân và củng cố vòng luẩn quẩn của nghèo đói. Hơn nữa, sự bất ổn trong cuộc sống của người lao động gia tăng do áp lực về nhà ở, chi phí sinh hoạt leo thang, và thiếu an toàn việc làm trong bối cảnh thị trường lao động biến động.

Thứ ba: Thách thức từ toàn cầu hóa

TBCN

Toàn cầu hóa đã làm tăng *cạnh tranh lao động toàn cầu*. Các công ty có thể dễ dàng dịch chuyển sản xuất đến các quốc gia có chi phí lao động thấp hơn, tạo áp lực giảm lương, cắt giảm phúc lợi và nới lỏng các tiêu chuẩn lao động ở các nước phát triển để duy trì năng lực cạnh tranh. Hiện tượng này được gọi là “*cuộc đua xuống đáy*” (*Race to the bottom*). Điều này dẫn đến tình trạng *mất việc làm* ở các nước phát triển và gây áp lực lên mức lương, điều kiện làm việc của người lao động ở các nước đang phát triển.

Suy yếu quyền lực của chính phủ quốc gia: Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các tập đoàn đa quốc gia có thể gây áp lực lên chính phủ các nước để nới lỏng quy định lao động hoặc giảm thuế nhằm thu hút đầu tư, làm suy yếu khả năng bảo vệ người lao động của chính phủ.

Bên cạnh đó, vấn đề *lao động di cư* cũng trở nên phức tạp. Hàng triệu người lao động di chuyển qua biên giới để tìm kiếm cơ hội việc làm, nhưng họ thường phải đối mặt với điều kiện làm việc khắc nghiệt, lương thấp, thiếu bảo hộ pháp lý, và nguy cơ bị bóc lột, đặc biệt trong các ngành như xây dựng,

nông nghiệp, hoặc giúp việc gia đình.

Thứ tư: Sự suy yếu của các tổ chức công đoàn và quyền thương lượng tập thể

Trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay, áp lực từ doanh nghiệp và chính phủ thông qua các chính sách chống công đoàn, hoặc việc tạo ra các rào cản pháp lý, khiến việc tổ chức và hoạt động của công đoàn trở nên khó khăn... dẫn đến sự suy yếu của quyền thương lượng tập thể.

Đặc biệt, khó khăn trong việc tổ chức lao động mới là một vấn đề lớn. Các hình thức lao động phi chính thức, lao động trong kinh tế gig, và lao động trong các ngành công nghệ cao thường phân tán, không có địa điểm làm việc cố định, gây khó khăn cho việc tập hợp và tổ chức công đoàn.

Cuối cùng, pháp luật lao động chậm thích nghi với các hình thức lao động mới trong khi nhiều quy định pháp luật hiện hành không còn phù hợp với thực tế của lao động nền tảng hay lao động tự do, gây khó khăn cho việc bảo vệ quyền lợi của họ.

3. Định hướng bảo vệ quyền lợi chính đáng của giai cấp công nhân trong CNTB hiện đại ngày nay

Để đối phó với những thách thức

trên, cần có những giải pháp đồng bộ và sáng tạo ở nhiều cấp độ, từ quốc tế đến quốc gia và cá nhân.

Ở cấp độ quốc tế, trước hết cần thúc đẩy và thực thi các tiêu chuẩn lao động quốc tế, làm cơ sở để đấu tranh với các tập đoàn tư bản độc quyền trong bảo đảm các tiêu chuẩn điều kiện lao động quốc tế. Các đảng cộng sản cần phối hợp hành động chung để bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân. Đồng thời, cần đẩy mạnh hợp tác công đoàn để có tiếng nói chung. Cùng với đó, cần thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp toàn cầu, bảo đảm các doanh nghiệp thực hiện các trách nhiệm góp phần thực hiện an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Một giải pháp quan trọng khác là thúc đẩy việc xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp lao động quốc tế.

Ở cấp độ quốc gia, cần chú trọng hoàn thiện và thực thi pháp luật lao động; xây dựng chính sách an sinh xã hội toàn diện và linh hoạt; đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo lại; kiểm soát quyền lực tập đoàn và thúc đẩy cạnh tranh công bằng; thúc đẩy đối thoại xã hội ba bên (Nhà nước, người sử dụng lao động và đại diện người lao

động (công đoàn)).

Với Việt Nam, đường lối phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định rõ là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc với tám đặc trưng cơ bản: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân dân làm chủ; Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với Nhân dân các nước trên thế giới. Giai cấp công nhân, thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo đất nước, đồng thời là hạt nhân trong liên minh Công nhân - Nông dân - Trí thức, tạo nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết

toàn dân tộc. Trong kỷ nguyên công nghệ số và toàn cầu hóa hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng phát triển cả số lượng và chất lượng, thực sự là lực lượng tiên phong trong xây dựng và phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề phát triển bao trùm, lấy con người làm trung tâm, nên đặc biệt chú trọng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của giai cấp công nhân và mọi giai tầng trong xã hội. Với phương châm kiên định và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ, văn hóa và thành tựu phát triển của nhân loại, Việt Nam nghiên cứu tiếp thu những thành tựu mà CNTB hiện đại đạt được, đồng thời kiên quyết đi theo con đường XHCN, tuyệt đối không đi theo con đường TBCN. Bởi lẽ, như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia

tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân, do Nhân dân và phục vụ lợi ích của Nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có”³. Rõ ràng, mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam là một gợi mở về sự phát triển của nhân văn, trong đó giai cấp công nhân và Nhân dân lao động không chỉ được bảo đảm

quyền lợi mà thực sự là chủ thể, động lực và mục tiêu của phát triển đất nước.

Tóm lại, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0, đã mang lại những thành tựu vượt bậc nhưng cũng tạo ra những thách thức sâu sắc đối với quyền lợi chính đáng của giai cấp công nhân. Chính vì vậy, hướng đến một sự phát triển văn minh, hiện đại thì việc bảo vệ quyền lợi công nhân không chỉ là vấn đề đạo đức hay công bằng xã hội, mà còn là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững của mỗi Chính phủ, mỗi quốc gia và thế giới. Việt Nam với đường lối đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế theo định hướng XHCN đang cho thấy một con đường mới trong phát triển bao trùm, nhân văn, vì hạnh phúc con người ■

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.603.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.879.

³ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21.

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC ĐÔNG Á HIỆN NAY, VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG KIẾN TẠO NỀN HÒA BÌNH, BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI VÌ MỘT THẾ GIỚI PHÁT TRIỂN, AN NINH, THỊNH VƯỢNG

★ TS NGUYỄN MINH VŨ

Ủy viên Dự khuyết Trung ương Đảng,

Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao

1. Thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Á, đang đứng trước những thay đổi mang tính thời đại, đặt ra những thách thức to lớn đối với mỗi quốc gia, dân tộc trong việc duy trì hòa bình, an ninh và ổn định cũng như bảo đảm quyền con người

1.1. Sau 8 thập kỷ kể từ khi Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, **thế giới đang chứng kiến những thay đổi mang tính thời đại**. Đặc biệt, kể từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, sự hội tụ của những biến động mang tính hệ thống trong trật tự thế giới đang tạo ra những thay đổi mang tính cấu trúc,

những chuyển biến sâu sắc, chưa từng có tiền lệ.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản (*hợp tác, liên kết quốc tế tiếp tục là xu thế lớn, được các quốc gia tích cực thúc đẩy; các nước vừa và nhỏ ngày càng có vai trò, tiếng nói trong cục diện đa cực đa trung tâm đang được định hình; cách mạng công nghệ 4.0, nhất là các công nghệ mang tính đột phá như AI, IoT đang mở ra những cơ hội phát triển đột phá...*), thế giới và mỗi khu vực cũng đứng trước những thách thức lớn hơn, phức tạp hơn; tính bất ổn, bất định gia tăng; xuất hiện ngày càng nhiều yếu tố đột biến, ngoài

dự báo, ***đặt ra những thách thức to lớn đối với việc duy trì hòa bình, an ninh và ổn định cũng như bảo đảm quyền con người***, thể hiện qua 04 phương diện sau:

Thứ nhất, môi trường an ninh quốc tế ngày càng bất ổn, đe dọa nghiêm trọng tới hòa bình thế giới và quyền con người. Theo báo cáo Chỉ số hoà bình toàn cầu 2025¹, thế giới đang có 59 cuộc xung đột giữa các quốc gia, nhiều nhất kể từ khi Thế chiến thứ II kết thúc. Nguy cơ mất kiểm soát, leo thang quân sự trong các tranh chấp gia tăng. Xu hướng tăng cường vũ trang, chi tiêu quân sự được thúc đẩy², 106 nước tăng mức chi tiêu quốc phòng, đầu tư quân sự, 78 nước đang tham gia vào các cuộc xung đột ngoài lãnh thổ. Việc các nước phát triển năng lực chiến tranh bất đối xứng, vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí công nghệ mới (robot, sinh học, hóa học, vũ khí tự động, UAV...) có sức sát thương, huỷ diệt hàng loạt đặt nhân loại đứng trước rủi ro, nguy cơ lớn chưa từng có.

Thứ hai, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện và phức tạp. Nhìn lại lịch sử, các dịch chuyển trong trật tự thế giới, các

biến động trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn cũng như trong tương quan tập hợp lực lượng giữa các quốc gia đều không tách rời hoà bình, ổn định và việc bảo đảm quyền con người. Xu thế cường quyền, can thiệp, đe dọa sử dụng và sử dụng vũ lực tác động trực tiếp tới các cuộc xung đột trên thế giới và gây ra các thảm hoạ nhân đạo nghiêm trọng. Cùng với đó, chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, dân túy cực đoan, tình trạng phân cực ngày càng sâu sắc trong quan hệ quốc tế và cạnh tranh địa chiến lược làm suy giảm lòng tin giữa các quốc gia, xói mòn vai trò luật pháp quốc tế và các thiết chế quản trị toàn cầu trong bảo đảm môi trường phát triển công bằng, bao trùm cũng như trong giải quyết các khác biệt, xung đột thông qua đối thoại và các biện pháp hoà bình.

Thứ ba, tăng trưởng kinh tế thế giới đứng trước nhiều thách thức mới, khoảng cách phát triển giữa các khu vực chưa đồng đều, thậm chí giãn cách hơn trước, làm sâu sắc thêm các vấn đề bất bình đẳng, chênh lệch về cơ hội phát triển, môi trường, điều kiện sống. Nguy cơ phân tuyến, phân tách về kinh tế, tài chính, khoa học công nghệ đặt ra những rủi ro mới cho phát triển và

hợp tác giữa các nước, trong đó có việc bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định và quyền con người. Một số nước có xu hướng theo đuổi chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa độc quyền, gia tăng kiểm soát đối với những lĩnh vực trọng yếu của phát triển như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số...; trong khi nhiều nước kém phát triển hơn đối mặt với nguy cơ tụt hậu xa hơn, bị gạt ra ngoài lề của tiến trình toàn cầu hóa.

Thứ tư, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh kinh tế, tội phạm xuyên quốc gia... ngày càng phức tạp, đan cài với các vấn đề an ninh truyền thống, đặt ra nhiều thách thức mới trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, giữ gìn ổn định xã hội và bảo đảm quyền con người. Biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường và thời tiết cực đoan đe dọa trực tiếp tới sinh kế, sức khoẻ, thúc đẩy làn sóng di cư, làm gia tăng nguy cơ xung đột xã hội. Sự phát triển của khoa học công nghệ, tự động hoá và trí tuệ nhân tạo (AI) làm tăng nguy cơ thất nghiệp, tác động trực tiếp đến tầng lớp lao động phổ thông, thu nhập thấp trong xã hội. Tội phạm

xuyên quốc gia, tội phạm mạng phát triển với tốc độ nhanh, khó kiểm soát, khó truy vết và giải quyết.

Đúng như Tổng thư ký Liên hợp quốc António Guterres nhận định: *Thế giới đang ở trong tình trạng hỗn loạn, sự chia rẽ giữa các quốc gia ngày càng sâu sắc.*

1.2. Cũng trong 8 thập kỷ qua, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Á, ngày càng khẳng định vị trí chiến lược trên bàn cờ quốc tế và là tâm điểm của những chuyển đổi sâu sắc trên phạm vi toàn cầu.

Trong xu thế chuyển dịch tương quan quyền lực chính trị - kinh tế toàn cầu từ Tây sang Đông, từ một khu vực bị tàn phá bởi chiến tranh và đói nghèo, nơi quan hệ giữa các quốc gia bị chi phối bởi sự nghi kỵ, thậm chí đối đầu do khác biệt về ý thức hệ, châu Á - Thái Bình Dương ngày nay là một đầu tàu tăng trưởng toàn cầu, nơi hội tụ các cường quốc kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới. (*GDP năm 2024 của châu Á - Thái Bình Dương³ chiếm 54,7% GDP toàn cầu, gấp đôi GDP của châu Mỹ, gấp 3 lần châu Âu và gấp 8 lần châu Phi*).

Với tư duy khu vực hóa mở, tự do,

mạng lưới liên kết kinh tế nhiều tầng nấc và quy mô dân số lớn, châu Á - Thái Bình Dương hứa hẹn tiếp tục phát triển mạnh mẽ và năng động trong nhiều thập kỷ tới. Khu vực cũng là nơi khởi nguồn cho nhiều cơ chế đối thoại, hợp tác và liên kết đa phương, trong đó có ASEAN và các cơ chế của ASEAN (Diễn đàn Hợp tác Đông Á - EAS, Diễn đàn khu vực ASEAN - ARF), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)..., góp phần xây dựng lòng tin, thúc đẩy tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề quan tâm chung, trong đó có việc ứng phó với các thách thức toàn cầu.

Mặt khác, khu vực tiếp tục là trọng điểm cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn; các điểm nóng tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ leo thang, xung đột (*tình hình Biển Đông, eo biển Đài Loan, báo đảo Triều Tiên, Myanmar...*); và là một trong những nơi chịu tác động sâu rộng nhất của các thách thức an ninh phi truyền thống (biến đổi khí hậu, già hóa dân số, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường, an ninh lương thực, an ninh

nguồn nước, chủ nghĩa khủng bố, an ninh mạng...).

Tựu trung lại, bên cạnh những thành tựu trong hợp tác, giải quyết bất đồng, tăng trưởng kinh tế, giải quyết đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm phúc lợi và tạo ra nhiều cơ hội phát triển hơn cho người dân; châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Á còn phải đối mặt với nhiều thách thức trong duy trì môi trường hoà bình, ổn định, phát triển và bảo đảm quyền con người.

2. Trong thế giới có nhiều biến động, cộng đồng quốc tế cần chung tay nỗ lực để bảo vệ hoà bình và bảo đảm quyền con người. Hoà bình và quyền con người có mối quan hệ mật thiết và tương hỗ.

Hòa bình là tiền đề và điều kiện tiên quyết cho việc bảo đảm quyền con người. Là một dân tộc đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh khốc liệt để bảo vệ độc lập, chủ quyền và quyền tự quyết - những quyền gắn liền và là nền tảng cho các quyền con người khác, Việt Nam tin rằng, nước mất độc lập thì không thể có cá nhân tự do, không thể có quyền con người. Để giành quyền con người cho mỗi cá nhân thì phải giải

phóng dân tộc khỏi áp bức ngoại bang và bảo vệ quyền tự quyết của dân tộc. Thực tiễn lịch sử các dân tộc bị áp bức trên thế giới cũng chỉ ra rằng: độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người; chỉ khi đất nước độc lập, hòa bình thì quyền con người mới được bảo đảm. Hai Công ước cơ bản về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1996 cũng thống nhất ghi nhận quyền dân tộc tự quyết là một trong những quyền con người cơ bản và trên hết.

Mặt khác, quyền con người, quyền công dân không tách rời khỏi nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cộng đồng, đất nước. Như Karl Marx từng viết: *“Không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi.”* Ở bất cứ quốc gia nào, người dân cũng phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định, theo quy định của pháp luật, không chỉ trên tư cách công dân mà cả tư cách con người đối với xã hội mà mình sinh sống. Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) cũng ghi nhận: *“Mỗi con người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng mà chính trong đó nhân cách của bản thân có thể phát triển tự*

do và đầy đủ” (Điều 29). Hai Công ước về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1996 cũng nhấn mạnh: *“Mỗi cá nhân trong khi được hưởng thụ các quyền cần tôn trọng tự do của người khác và tôn trọng trật tự xã hội, lợi ích của cộng đồng”*.

Việt Nam chia sẻ quan điểm các quyền con người mang tính phổ cập, không thể chia tách, và có mối liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau; không chỉ nhấn mạnh một số quyền trong khi xem nhẹ hoặc hi sinh các quyền khác. Các quyền dân sự - chính trị cần được thúc đẩy song song các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Đặc biệt, quyền được phát triển, vốn là quyền nền tảng trong các nước đang phát triển, cần được thừa nhận bình đẳng, thay vì bị xem nhẹ trong các tiếp cận thiên lệch. Việc thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về phát triển bền vững của Liên hợp quốc chính là con đường hiện thực hóa quyền con người trên quy mô toàn dân. Quyền con người phải là giá trị nhân văn toàn cầu, chứ không phải là công cụ phục vụ mục tiêu chính trị hoặc lợi ích cường quyền. Việc thúc đẩy quyền con người cần dựa trên đối thoại chân thành, hợp tác bình đẳng và tôn trọng

sự đa dạng văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển của các quốc gia. Đồng thời, việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người không thể tách rời khỏi các điều kiện nền tảng – đó là hòa bình, an ninh và phát triển bền vững. Chỉ trong một môi trường quốc tế ổn định, tôn trọng lẫn nhau thì quyền con người mới có thể phát triển một cách bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và đa khủng hoảng như hiện nay, chủ nghĩa đa phương và hợp tác quốc tế chính là chìa khóa để cùng nhau giải quyết các thách thức như xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và khủng hoảng nhân đạo. Thúc đẩy hòa bình, phát triển và quyền con người là trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế.

3. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam: chỉ khi con người được sống trong hòa bình, tự do, có điều kiện phát triển toàn diện, thì các quyền cơ bản mới thực sự được tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy một cách tốt nhất

Việt Nam luôn coi con người là mục tiêu tối thượng, là trung tâm và động lực của sự phát triển. Bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người là định hướng xuyên suốt trong mọi chính

sách phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thể chế, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, bình đẳng giới và bảo vệ các nhóm yếu thế. Tư tưởng này được khẳng định ngay trong Hiến pháp và luật pháp Việt Nam, đồng thời phản ánh trong thực tiễn 80 năm lập nước và gần 40 năm Đổi mới của Việt Nam.

Với tư tưởng “*Lấy dân làm gốc*”, “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*” đúc kết từ hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, ngay từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 (*trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ*), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”; “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập... Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm

1991 tại Đại hội Đảng VII khẳng định, một trong 6 đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam là “con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 xác định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của Nhân dân”. Hiến pháp Việt Nam năm 1993 xác định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” (Điều 2); “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Điều 14). Đại hội Đảng XIII năm 2021 tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán, xuyên suốt: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách

phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.” Trong bối cảnh đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm cũng khẳng định, một trong những điểm cốt lõi của kỷ nguyên mới chính là hướng tới mục tiêu “mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, cho hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu”.

Có thể khẳng định, những nỗ lực đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước của Việt Nam trong nhiều thập kỷ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không nằm ngoài mục đích bảo đảm cho mọi người dân Việt Nam được thụ hưởng đầy đủ nhất quyền con người, trong đó có quyền được sống trong hòa bình, độc lập, tự do và quyền được quyết định vận mệnh, con đường phát triển của mình.

Thực hiện nhất quán nguyên tắc “lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực quan trọng nhất

và là mục tiêu của sự phát triển” trong 80 năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quyền con người. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị tàn phá bởi chiến tranh, bị bao vây cấm vận, ngày nay Việt Nam đã trở thành một nước đang phát triển có thu nhập trung bình, một trong 32 nền kinh tế hàng đầu thế giới; GDP đầu người tăng gần gấp 50 lần (từ gần 100 USD những năm 1980 lên gần 5.000 USD/đầu người năm 2024). Từ một quốc gia phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu và góp phần bảo đảm an ninh lương thực của thế giới. Xếp hạng của Việt Nam về các chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số phát triển bền vững không ngừng được cải thiện (HDI năm 2024 tăng 8 bậc so với kỳ trước, từ vị trí 115 lên 107/193 quốc gia; chỉ số phát triển bền vững năm 2024 tăng 1 bậc, xếp thứ 54/166). Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong bảo đảm các quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền tiếp cận các nhu yếu phẩm cần thiết như lương thực, đồ

dùng thiết yếu, quyền chăm sóc y tế, quyền giáo dục trực tuyến.

Đối với Việt Nam, quyền con người lớn nhất là “lo cho 100 triệu dân ấm no và hạnh phúc, dân chủ, cuộc sống bình yên, an ninh, an toàn, an dân, phát huy tối đa yếu tố con người, đó là điều quan trọng nhất”⁴. Trên tinh thần đó, Việt Nam không ngừng nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi các pháp luật, chính sách về quyền con người; quyết liệt triển khai nhiều chính sách, biện pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội, giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống của người dân. (Chúng tôi đặt mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước vào 31/10/2025; miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông từ năm học 2025 - 2026; đổi mới chính sách an sinh xã hội để mở rộng độ bao phủ toàn dân...). Với việc triển khai Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập tỉnh, thành phố và cải cách mô hình tổ chức chính quyền, Việt Nam kỳ vọng tạo ra những không gian phát triển mới để Việt Nam phát triển nhanh, mạnh, đồng bộ, bền vững, khoa học hơn, tạo điều kiện để

chính quyền các cấp phục vụ người dân tốt hơn, gần dân hơn và hiệu quả hơn.

4. Việt Nam đã và đang tích cực đóng góp vào việc kiến tạo và duy trì hòa bình, và bảo đảm quyền con người ở khu vực và trên thế giới

Kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị và hợp tác, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, trên cơ sở “tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của nhau, không xâm phạm, không can thiệp vào công việc nội bộ, bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chung sống hòa bình”⁵, đến nay Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó có quan hệ từ đối tác toàn diện trở lên với 37 nước, bao gồm toàn bộ các thành viên ASEAN, các thành viên Nhóm G7, các Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và 18/20 nước G20. Đây là nền tảng chính trị quan trọng để Việt Nam củng cố môi trường hòa bình, ổn định để phát triển và thịnh vượng.

Trong bối cảnh các điểm nóng, xung đột cục bộ diễn biến phức tạp, xu hướng chạy đua vũ trang gia tăng, chủ nghĩa cường quyền, dân túy, bảo hộ... không

ngừng nổi lên, thách thức luật pháp quốc tế và các thiết chế đa phương có vai trò trung tâm trong việc gìn giữ hòa bình, an ninh quốc tế, là một dân tộc đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh và thấu hiểu giá trị của hòa bình, Việt Nam đang nỗ lực cùng các nước thúc đẩy đoàn kết quốc tế, đề cao chủ nghĩa đa phương và vai trò của Liên hợp quốc, tôn trọng luật pháp quốc tế và nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc; sẵn sàng đóng góp trí lực và nguồn lực cho các quan tâm chung của khu vực và quốc tế, đặc biệt trong việc thực hiện các mục tiêu chung về hoà bình và bảo đảm quyền con người; sẵn sàng làm cầu nối để các quốc gia tăng cường đối thoại, hợp tác, thu hẹp những khác biệt, thúc đẩy giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; luôn là người bạn chân thành, thủy chung, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Kể từ năm 2014, đến nay Việt Nam đã cử hơn 1.100 sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp tham gia Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc tại nhiều miền đất trên thế giới: Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi, khu vực Abyei và Trụ sở Liên hợp quốc. Với

bản lĩnh, tác phong mẫu mực, tinh thần trách nhiệm cao, lực lượng quân đội và công an Nhân dân Việt Nam luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được lãnh đạo Liên hợp quốc, đồng nghiệp quốc tế đánh giá cao, để lại hình ảnh đẹp và sâu sắc về các chiến sỹ mũ nồi xanh. Năm 2023, Việt Nam cử lực lượng tham gia cứu nạn thảm họa động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ và Pakistan. Năm 2025, Việt Nam cử lực lượng tham gia hỗ trợ khắc phục hậu quả động đất tại Myanmar. Việt Nam cũng tích cực đóng góp vào các sáng kiến nhằm thúc đẩy hòa giải, hòa bình ở các khu vực, địa bàn có xung đột, trong đó có Đồng thuận 5 điểm của ASEAN về Myanmar; đăng cai tổ chức Thượng đỉnh Mỹ - Triều năm 2019. Qua các hoạt động này, Việt Nam mong muốn đóng góp hơn nữa cho hòa bình và ổn định của khu vực và quốc tế, khẳng định tôn trọng các mục tiêu, tôn chỉ của Liên hợp quốc, góp phần kiến tạo nền hòa bình bền vững trên thế giới.

Triển khai chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập 7/9 Công ước cơ bản của Liên hợp quốc về quyền con người (*Việt Nam là quốc gia thứ hai trên thế*

giới và là quốc gia đầu tiên ở khu vực ký kết “Công ước quốc tế về quyền trẻ em”; tham gia “Công ước xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với nữ giới”, “Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật”...); phê chuẩn, gia nhập 25 Công ước của ILO, trong đó có 7/8 công ước cơ bản. Việt Nam đang và sẽ tiếp tục thực hiện nghiêm túc điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, trên cơ sở tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế và các nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế.

Việt Nam cũng chủ động tăng cường đối thoại và hợp tác với các cơ chế quốc tế về quyền con người; chủ động tham gia các diễn đàn đa phương như Liên hợp quốc, Hội đồng Nhân quyền của Liên hợp quốc và ASEAN⁶, đóng góp tiếng nói xây dựng, hài hòa và thúc đẩy cách tiếp cận toàn diện, cân bằng và không đối đầu trong vấn đề quyền con người. Với tư cách thành viên Hội đồng Nhân quyền của Liên hợp quốc trong hai nhiệm kỳ 2014-2016 và 2023-2025, Việt Nam được bạn bè quốc tế đánh giá cao về tinh thần chủ động, có trách nhiệm trong việc thúc đẩy các giá trị toàn cầu về quyền con người.

5. Một số phương hướng của Việt Nam trong thúc đẩy hòa bình, bảo vệ và bảo đảm quyền con người

Trong bối cảnh Việt Nam đang vươn mình hướng tới kỷ nguyên mới, quyền con người, quyền công dân tiếp tục được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm và nỗ lực bảo đảm tốt hơn. Với thế và lực đã được nâng cao sau gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam cũng quyết tâm tiếp tục đóng góp vào việc xây dựng, củng cố một môi trường hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Á, cũng như trên toàn cầu. Trên nền tảng đó, thời gian tới, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh triển khai các phương hướng biện pháp sau:

Một là, tiếp tục triển khai nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, là bạn, là thành viên tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; triển khai đồng bộ, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm quyền con người, trên cơ sở kiên định lập trường tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam được đề ra từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong

thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) về vấn đề bảo đảm và thúc đẩy quyền con người; không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong đó, các quan điểm cơ bản là: Quyền con người là giá trị chung của nhân loại; Quyền con người gắn với quyền dân tộc cơ bản và thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia; Quyền con người là mục tiêu, bản chất, động lực của chế độ XHCN. Đưa nguyên tắc tiếp cận dựa trên quyền con người trở thành một yêu cầu và tiêu chí bắt buộc trong các hoạt động xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật.

Hai là, tích cực, chủ động đóng góp vào việc duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới. Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc quan hệ với các nước ở khu vực và trên thế giới, trong đó có Nhật Bản, nhằm củng cố lòng tin giữa các quốc gia; Tiếp tục đề cao và thúc đẩy tôn trọng luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc, trong đó có các nguyên tắc về giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, thông qua đối thoại,

đàm phán, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; Tích cực thúc đẩy đoàn kết quốc tế và hợp tác đa phương, đề cao vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế; đề cao vai trò của ASEAN trong duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực. Việt Nam cũng sẵn sàng đóng vai trò trung gian hòa giải, làm cầu nối để các quốc gia, các dân tộc tìm được tiếng nói, giải pháp chung trong những vấn đề còn bất đồng.

Ba là, tiếp tục phấn đấu bảo đảm và thúc đẩy ngày càng tốt hơn các quyền và tự do cơ bản của người dân Việt Nam trên mọi mặt của đời sống xã hội. Tiếp tục cải cách, hoàn thiện hệ thống pháp luật dựa trên cách tiếp cận về quyền con người và nguyên tắc “*lấy con người làm trung tâm*”, bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền và tự do cơ bản của người dân, bảo đảm hệ thống pháp luật quốc gia hài hòa và phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó có việc phát huy dân chủ và nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền, tăng cường các thể chế quốc gia bảo vệ quyền con người.

Bốn là, không ngừng củng cố ổn định chính trị - xã hội và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo nền tảng cho việc thụ hưởng các quyền của con người. Việt Nam vẫn là một nước thu nhập trung bình thấp, đời sống của một bộ phận Nhân dân, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn rất nhiều khó khăn. Sự phát triển của Việt Nam trên một số lĩnh vực còn khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực, ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người ở Việt Nam. Theo đó, Việt Nam sẽ tiếp tục: Kiên trì thực hiện phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội (giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, thu hẹp khoảng cách phát triển nông thôn - thành thị, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội cho người dân, bảo đảm quyền sức khỏe và đầu tư vào hệ thống giáo dục...); Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy bình đẳng giữa các vùng miền, thúc đẩy bình đẳng giới; Nâng cao nhận thức về quyền con người của người dân thông qua hệ thống giáo dục và truyền thông.

Thế giới và khu vực Đông Á đang

đứng trước bước ngoặt mang tính lịch sử, song song với những mặt thuận lợi, nổi lên không ít khó khăn, thách thức mới. Trong bối cảnh đó, mong rằng Đảng Cộng sản Nhật Bản sẽ tiếp tục phối hợp, đồng hành cùng Đảng Cộng sản Việt Nam ***thúc đẩy đoàn kết quốc tế, hợp tác đa phương, trên cơ sở tôn***

trọng luật pháp quốc tế để góp phần tích cực vào việc giữ vững hòa bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới. Chỉ khi đó, mọi người dân của Việt Nam và của Nhật Bản mới được thụ hưởng đầy đủ nhất quyền con người, mới được hưởng một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc và thịnh vượng ■

¹ Báo cáo được công bố tháng 6/2025 của Viện Kinh tế và Hoà bình (IEP), cơ quan nghiên cứu độc lập có trụ sở tại Sydney và các văn phòng tại New York, Brussels, The Hague, Mexico City và Nairobi.

² Chi tiêu quân sự toàn cầu năm 2024 đạt mức kỷ lục 2.720 tỷ USD kể từ Chiến tranh Lạnh; dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2025. Năm 2025, Mỹ dự kiến dành 1.000 tỷ USD chi tiêu quân sự, tăng 12%, cao kỷ lục; Trung Quốc tăng 7,2% ngân sách quốc phòng, đạt gần 250 tỷ, Nga dự kiến chi 6,3% GDP, cao nhất từ Chiến tranh Lạnh. NATO thống nhất mục tiêu tăng ngân sách quốc phòng lên 5% GDP năm 2035 sau Hội nghị Thượng đỉnh tại Hà Lan (25/6).

³ Bao gồm khu vực Bắc Á, Nam Á, Đông Á, Tây Á, Trung Á và châu Đại dương.

⁴ Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên toàn thể Diễn đàn cấp cao về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngày 06/12/2021.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.114.

⁶ Trong ASEAN, Việt Nam đã đóng góp tích cực vào các nỗ lực chung thúc đẩy các quyền cơ bản của người dân khu vực, đặc biệt là quyền của các nhóm yếu thế, tham gia tích cực các cơ chế nhân quyền của ASEAN, nhất là Ủy ban Liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR), tích cực đóng góp vào tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, củng cố vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực, qua đó, duy trì hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực.

XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG QUÂN KHU 4 - TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

★ PGS, TS CAO VĂN TRỌNG

Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đỉnh cao là Đại thắng Xuân 1975 đã kết thúc cuộc chiến tranh yêu nước oanh liệt, vĩ đại nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi đó bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó có đóng góp to lớn của hậu phương Quân khu 4. Chủ trương, đường lối xây dựng miền Bắc, trong đó có Quân khu 4 trở thành hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa thể hiện trí tuệ, tầm nhìn chiến lược của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí

quyết tâm, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, quân và dân Quân khu 4 đã xây dựng và trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam, kịp thời cung cấp sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tạo sức mạnh tổng hợp chuyển hóa tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch, góp phần làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tầm nhìn chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng hậu phương Quân khu 4 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, nhận thức đúng vị trí, vai trò chiến lược địa bàn Quân khu 4 và xác định xây dựng hậu phương Quân khu 4 trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Quân khu 4 là một dải đất hẹp kéo dài nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, phía đông giáp biển Đông, phía bắc giáp Quán khu Hữu Ngạn, phía tây giáp Lào, có dãy Trường Sơn hùng vĩ chạy theo suốt tuyến hành lang biên giới phía tây, phía nam giáp chiến trường Trị - Thiên với đường giới tuyến quân sự tạm thời dài trên 100km. Địa hình các tỉnh Quân khu 4 vừa kéo dài lại vừa hẹp dần về phía nam, dễ bị khống chế, chia cắt. Địa hình phức tạp, rừng núi phía tây trùng điệp, hiểm trở, nhiều đèo cao, vực sâu; nhiều sông lớn, vừa và nhỏ chảy cắt ngang

địa bàn, theo hướng từ tây sang đông đã tạo thành thế “thiên hiểm” trong tổ chức phòng thủ bờ cõi. Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, bắt nguồn từ tây tây bắc chảy xuôi về hướng đông đông nam như sông Lam, sông

La, sông Gianh, sông

Nhật Lệ... vừa tạo nên

nhiều vùng đồng bằng trù

phú, vừa là hệ thống

đường thủy nội địa thuận

lợi cho vận tải đường

thủy trong thời bình cũng

như vận tải quân sự trong

thời chiến. Một điểm nổi

bật là địa bàn Quân khu

4 được coi là “điểm nối”

giữa hai miền Bắc -

Nam, giữa Việt Nam với

chiến trường Lào với các

trục giao thông chính

chạy dọc theo hướng Bắc

- Nam, xuyên qua địa

bàn các tỉnh cùng nhiều

mạng đường ngang nối

giữa vùng rừng núi miền Tây với vùng

trung du đồng bằng ven biển, nối từ địa

bàn Quân khu sang vùng Hạ Lào, Nam

Lào. Các trục giao thông lớn như quốc

lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam chạy suốt

địa bàn, qua rất nhiều sông lớn, cầu phà, cống ngầm, đèo cao, vực sâu.

Do điều kiện địa lý và cấu tạo địa hình, nên hình thái tự nhiên của Quân khu 4 hình thành ba vùng chiến lược kinh tế - quốc phòng rất quan trọng. Khi chiến tranh xảy ra, trên địa bàn Quân khu 4 hình thành ba chiến trường và ba vùng kinh tế - quốc phòng rõ rệt. Ba chiến trường, gồm: Chiến trường A (các tỉnh của Quân khu, chiến trường tại chỗ chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, bằng không quân, hải quân của địch); chiến trường B (B4 và B5), B4 là Quân khu Trị Thiên, B5 là Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị); chiến trường C (chiến trường Lào). Ba vùng kinh tế - quốc phòng đó là vùng rừng núi, vùng trung du - đồng bằng và vùng đồng bằng ven biển. Hình thái ba chiến trường và ba vùng kinh tế - quốc phòng là đặc điểm hết sức riêng biệt chỉ có ở địa bàn Quân khu 4. Đây cũng là đặc điểm xuyên suốt chi phối toàn bộ công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát huy vai trò hậu phương Quân khu 4 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Quân khu 4 là địa bàn chịu sự chia cắt tạm thời tại vĩ tuyến 17, hình thành khu giới tuyến

quân sự kéo dài trên 100km từ Cửa Tùng đến biên giới Việt - Lào. Dòng sông Bến Hải trở thành nơi chia cắt hai miền Nam - Bắc, là nơi đối đầu của hai chế độ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa thực dân mới. Do đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định xây dựng hậu phương Quân khu 4 trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa chống Mỹ và các thế lực tay sai. Đồng thời, với điều kiện tự nhiên, các tỉnh của Quân khu 4 vừa tiếp giáp với chiến trường Trị - Thiên nói riêng, chiến trường miền Nam nói chung, vừa tiếp giáp với chiến trường Lào nên Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định xây dựng Quân khu 4 đã trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam và chiến trường Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hai là, sớm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hậu phương Quân khu 4 vững mạnh toàn diện, trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nhận thức đúng vị trí, vai trò chiến lược địa bàn Quân khu 4 và xác định

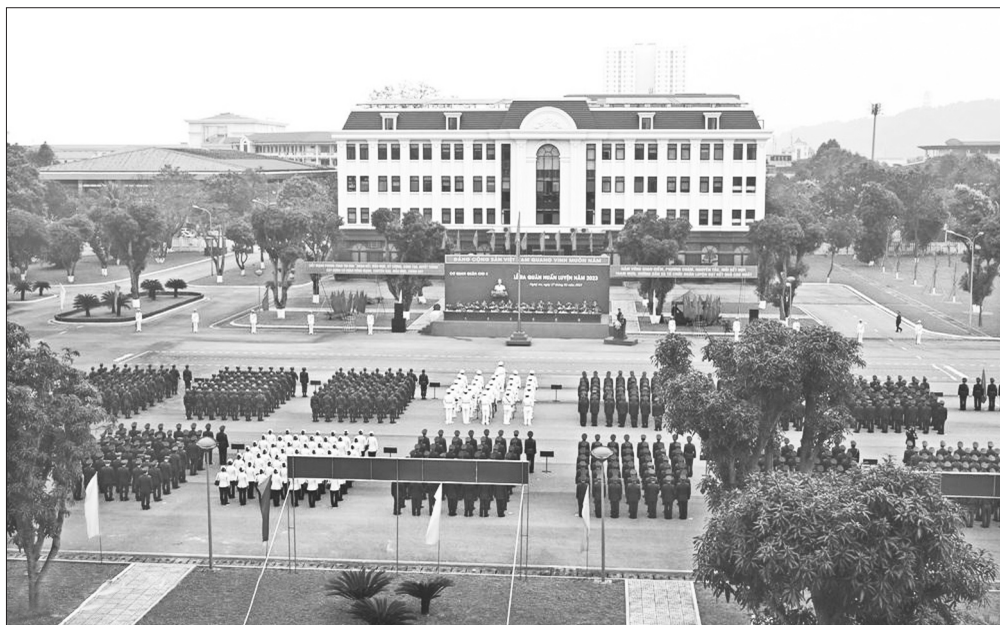
xây dựng hậu phương Quân khu 4 trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hậu phương Quân khu 4 vững mạnh toàn diện cả về chính trị, kinh tế và giao thông vận tải, quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục...

Về xây dựng tiềm lực chính trị. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo, chỉ đạo Quân khu ủy và Đảng bộ các cấp lấy việc xây dựng tiềm lực chính trị làm nền tảng vững chắc trong quá trình chuẩn bị mọi mặt của nhiệm vụ xây dựng hậu phương. Theo đó, ngay từ những năm đầu hòa bình, toàn Quân khu đã ra sức chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt. Tất cả các đảng bộ, chi bộ, đơn vị, địa phương, cơ quan đều được củng cố vững mạnh, mỗi chi bộ thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo, là “pháo đài thép” ở từng cơ sở. Đồng thời, không ngừng củng cố, tăng cường và hoàn thiện hệ thống chính trị các cấp, làm cho chính quyền các cấp thực sự có đủ khả năng điều hành, tổ

chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra. Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện; Ủy ban Nhân dân quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, quản lý xã hội; các đoàn thể quần chúng và hợp tác xã động viên lực lượng tham gia.

Tích cực bồi dưỡng và thường xuyên nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần sẵn sàng xả thân hoàn thành mọi nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang và Nhân dân, coi đó là một trong những nội dung cơ bản để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Quân khu đã phát động nhiều cuộc vận động chính trị, các phong trào thi đua như “Gió Đại phong”, “Sóng Duyên Hải”, “Cờ Ba nhất”,... đã có tác dụng, cổ vũ to lớn trong toàn quân, toàn dân.

Về xây dựng tiềm lực kinh tế và giao thông vận tải. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với các chủ trương đúng đắn, bằng những nỗ lực phi thường của đảng bộ và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn Quân khu, chỉ trong một thời gian ngắn sau hòa bình lập lại, quân và dân Quân



Quân khu 4 ra quân huấn luyện _ Ảnh: truyenhinhnghean.vn

khu 4 đã giành được nhiều thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế. Sau 10 năm xây dựng hòa bình, toàn Quân khu hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Sau kháng chiến chống Pháp, hệ thống giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng trên địa bàn các tỉnh từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh đều bị chiến tranh tàn phá, xuống cấp nghiêm trọng. Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, với đóng góp to lớn về sức người, sức của, trí tuệ và tâm huyết của hàng ngàn bộ đội, dân

công và Nhân dân Quân khu 4, các trục giao thông huyết mạch trên đã từng bước đi vào hoạt động trở lại. Cùng với việc sửa chữa, nâng cấp các tuyến giao thông huyết mạch quốc gia theo trục Bắc - Nam, một số tuyến giao thông chiến lược trên địa bàn Quân khu cũng được triển khai sửa chữa hoặc làm mới. Ngoài hệ thống đường sắt, đường bộ, đường sông và đường biển cũng được chú ý khai thác, nâng cấp. Các cảng được xây dựng và bước đầu đi vào sử dụng¹. Hệ thống cầu, phà là những trọng điểm giao thông hàng năm bị lũ lụt lớn làm hư hại đã thường xuyên

được củng cố, bảo đảm giao thông liên tục, thông suốt².

Về xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao sức mạnh sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang các cấp. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã chỉ đạo thành lập Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 4, tổ chức, bố trí lực lượng phù hợp với điều kiện, tình hình và nhiệm vụ của từng khu vực trên địa bàn. Tiếp đó, chỉ đạo Quân khu uỷ ra Nghị quyết chuyên đề về quân sự, xác định rõ toàn Quân khu ra sức xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang về mọi mặt, luôn sẵn sàng chiến đấu cao.

Xây dựng tiềm lực quân sự được Quân khu uỷ và Đảng bộ các cấp chỉ đạo một cách toàn diện và đạt nhiều kết quả³, xây dựng hệ thống phòng thủ, xây dựng các phương án tác chiến cơ bản, tổ chức thực hành diễn tập, hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, cơ cấu sản xuất thời chiến nếu chiến tranh xảy ra, trong đó việc xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng quần chúng, lực lượng hậu cần Nhân dân, hậu cần tại chỗ... được đặc biệt chú trọng. Ngoài việc tập trung xây dựng Quân đội Nhân dân cách mạng, chính quy, hiện đại, đã đặc biệt quan tâm xây dựng lực lượng bộ

đội địa phương đủ về số lượng và trang thiết bị cần thiết; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có số lượng đông đảo, được trang bị vũ khí bộ binh hạng nhẹ và súng phòng không tầm thấp... đáp ứng vai trò là lực lượng dự bị chiến lược của chiến tranh Nhân dân.

Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng làng, xã chiến đấu được kết hợp chặt chẽ với việc điều chỉnh cơ cấu của nền sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc xây dựng, phát triển vùng kinh tế mới, Quân khu thành lập một loạt nông trường quân đội, xây dựng căn cứ hậu phương và cơ sở làng xã theo ba nội dung (chi bộ mạnh, tổ chức quần chúng mạnh, lực lượng vũ trang mạnh), thể hiện tinh thần chủ động chuẩn bị cho kháng chiến.

Về xây dựng tiềm lực văn hóa, giáo dục, y tế. Những năm đầu hòa bình lập lại, nhìn chung trình độ dân trí trên địa bàn rất thấp. Trước tình hình đó, vấn đề giáo dục, nâng cao trình độ cho Nhân dân, nhất là lớp trẻ đang độ tuổi đến trường, được đặt ra một cách cấp bách và được giải quyết đồng bộ. Kết quả có bước phát triển quan trọng, đến đầu năm 1964, tất cả các xã, thôn ở các tỉnh trên địa bàn Quân khu đều có

trường cấp 1; gần 75% số xã có trường cấp 2 và các lớp bình dân học vụ tương đương cấp 2; các huyện, thị đều có từ 1 đến 2 trường cấp 3 và các trường văn hóa (vừa học, vừa làm) tương đương cấp 3. Ở các tỉnh, ngoài hệ thống trường giáo dục phổ thông còn có trường sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, trường dạy nghề, trường vừa học vừa làm, trường văn hóa bổ túc, trường năng khiếu, trường dành riêng cho con em miền Nam tập kết ra Bắc...

Cùng với đẩy mạnh công tác giáo dục, chính quyền các tỉnh trên địa bàn đã quan tâm hơn tới phát triển văn hóa - xã hội, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Phong trào bài trừ các hủ tục lạc hậu trong đời sống (như các hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, cúng tế, bói toán, mê tín dị đoan...), chống các tệ nạn (như uống rượu say, nghiện hút thuốc phiện, nhất là các địa bàn miền núi, trộm cắp, buôn lậu, mại dâm...) được đẩy mạnh.

Mạng lưới y tế phòng chữa bệnh cho Nhân dân phát triển mạnh mẽ, không chỉ ở đồng bằng, đô thị mà còn được chú trọng tại các xã, bản làng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế mới.

Đến đầu năm 1964, Quân khu có trên 90% số xã có trạm xá, trạm hộ sinh, gần 30% số xã có y sĩ, dược sĩ. Các huyện đều có 1-2 bệnh viện với trên 100 giường nằm, có hàng ngàn cán bộ y tế từ tuyến xã đến tuyến tỉnh, bảo đảm nhu cầu phòng, chống, chữa bệnh cho Nhân dân.

Những thành tựu sau 10 năm xây dựng trên đây đã làm cho bộ mặt các địa phương trên địa bàn Quân khu 4 thay đổi hẳn. Vì thế, quân và dân hết sức phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp. Thành tựu đó cũng khẳng định tính đúng đắn về tầm nhìn chiến lược của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng hậu phương Quân khu 4 vững mạnh toàn diện, trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ba là, thường xuyên, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, bảo vệ vững chắc hậu phương Quân khu 4, đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ trên địa bàn; bảo đảm mạch máu giao thông vận tải thông suốt, chi viện đắc

lực cho chiến trường.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, bảo vệ vững chắc hậu phương Quân khu 4, đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn, bảo đảm mạch máu giao thông vận tải thông suốt. Khi tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, một trong những mục tiêu chiến lược Mỹ tập trung đánh phá nhiều nhất, với cường độ mạnh nhất là các tỉnh thuộc địa bàn Quân khu 4. Mỹ coi đây là một địa bàn trọng yếu, vùng “cần xoong” đặc biệt quan trọng nếu không chế và đánh nát thì sẽ ngăn chặn có hiệu quả sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam và cả chiến trường Đông Dương, làm lung lay ý chí, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của Đảng và Nhân dân ta.

Đến cuối năm 1964, đầu năm 1965, bị sa lầy ngày một trầm trọng ở chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ đã đưa quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam, đồng thời tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất bằng sức mạnh quân sự không quân và hải quân. Trước âm mưu, thủ đoạn mới của

Mỹ khi tiến hành leo thang đánh phá miền Bắc⁴, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo chuyển mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, quân đội và Nhân dân trên địa bàn Quân khu từ thời bình sang thời chiến. Cùng với việc điều chỉnh lực lượng, Quân khu đã phát động rộng rãi trong toàn địa bàn phong trào toàn dân tham gia đánh máy bay Mỹ dưới mọi hình thức. Với các chủ trương và biện pháp tổ chức đánh máy bay cụ thể, sinh động và đa dạng, quân và dân Quân khu 4 liên tiếp lập nhiều chiến công vang dội, làm nức lòng toàn quân, toàn dân⁵. Với thể chủ động, bình tĩnh đánh trả cuộc tiến công phá hoại của Mỹ, quân và dân Quân khu 4 đã giành thắng lợi to lớn trên nhiều mặt, bảo vệ vững chắc hậu phương chiến lược, bảo vệ các mục tiêu chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm huyết mạch giao thông thông suốt, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ trên địa bàn.

Mặc dù bị thất bại nặng nề, Mỹ đã tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom, bắn phá miền Bắc, nhưng trên thực tế Mỹ vẫn không ngừng tăng cường phá hoại bằng

không quân, hải quân đối với miền Bắc; chúng tập trung đánh phá mạnh vào tuyến đường Hồ Chí Minh và một số trọng điểm giao thông ở nam Khu 4. Đặc biệt, để cứu vãn chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn, ngày 6/4/1972, Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá lần thứ hai ra miền Bắc. Thủ đoạn đánh phá miền Bắc lần này của đế quốc Mỹ tỏ ra vô cùng nham hiểm, thâm độc và tàn bạo. Chúng chủ trương đánh ồ ạt trong thời gian nhất định cho đến khi đạt được mục tiêu. Chúng huy động tất cả sức mạnh của không quân và hải quân của Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương, sử dụng máy bay chiến lược B52 cùng vũ khí chiến tranh điện tử như “bom thông minh”, tia laser, gây nhiễu... đánh chủ yếu vào ban đêm, hòng tạo ra những bất ngờ và gây khó khăn lớn cho ta trong việc tổ chức phòng tránh và đánh trả. Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, quân và dân Quân khu 4 cùng lực lượng phòng không của Bộ đã phối hợp, đánh thắng liên tiếp nhiều đợt không kích lớn của Mỹ⁶, bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế, quân sự,

quốc phòng, các trọng điểm giao thông quan trọng. Trong khói lửa đạn bom hết sức ác liệt, hàng nghìn chiếc xe vận tải, hàng trăm phà, canô, tàu, thuyền vẫn an toàn vượt qua các “toạ độ lửa” đến vị trí tập kết, giao hàng, giao người vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, bảo vệ vững chắc hậu phương, chi viện sức lực cho chiến trường miền Nam và chiến trường Lào. Mặc dù bị địch đánh phá ngày càng ác liệt, nhưng quân và dân Quân khu 4 không nao núng quyết tâm, vừa kiên cường đánh trả không quân và hải quân Mỹ, vừa chú trọng đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố và tăng cường tiềm lực kinh tế - quốc phòng, chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam và chiến trường Lào. Vì vậy, sản xuất nông, lâm - ngư nghiệp và các ngành nghề thủ công khác của các tỉnh thuộc Quân khu 4 cho đến trước khi địch tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ hai đã có bước phát triển quan trọng và đạt được nhiều thành tựu. Từ cuối năm 1970 đến đầu năm 1972,

cùng với bộ đội chủ lực của Quân khu, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ các tỉnh trên toàn địa bàn Quân khu được củng cố và phát triển với số lượng và chất lượng lớn hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó. Nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội luôn luôn được các cấp bộ đảng và chính quyền đặt lên hàng đầu, coi đó là nhiệm vụ cấp bách thường xuyên.

Với tiềm lực của hậu phương chiến lược được xây dựng trong 10 năm hòa bình, được củng cố, xây dựng và bảo vệ vững chắc trong hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ trên địa bàn, những đóng góp, chi viện nhiều mặt cho các chiến dịch, nhiều hướng chiến trường của hậu phương Quân khu 4 là liên tục về thời gian, càng về sau càng to lớn hiệu quả và kịp thời hơn. Cụ thể, từ năm 1964 đến năm 1975, các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đặc khu Vĩnh Linh đã động viên được 277.600 thanh niên vào quân đội, trong đó có 194.000 lượt cán bộ, chiến sĩ vào chiến trường miền Nam và chiến trường Lào chiến đấu, động viên 32.500 người tham gia thanh niên xung phong phục vụ trên các tuyến lửa. Toàn quân khu đã chi

viện hơn 650.000 tấn lương thực, thực phẩm, 550 tấn hàng hóa quân sự cho chiến trường (đạn dược, thuốc men, vải, chăn, màn...); các mặt hàng đặc biệt khác như đôla, vàng, bạc, hóa chất... phục vụ cho công tác hoạt động tình báo chiến lược của quân đội và lực lượng an ninh Nhân dân. Ngoài ra còn là hàng triệu lượt ngày công của thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến chi viện cho chiến trường Trị - Thiên, Khu 5, Lào và dốc hết sức mình góp phần cùng quân, dân cả nước tham gia giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đỉnh cao là Đại thắng Xuân 1975 tính đến nay đã qua 50 năm. Sau 50 năm nhìn lại, chúng ta càng thấy rõ hơn giá trị, ý nghĩa của tầm nhìn chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng hậu phương Quân khu 4 trở thành tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; thấy rõ hơn tầm vóc và những đóng góp to lớn, cũng như sự hy sinh

của quân và dân Quân khu 4 cùng với cả nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Qua đây, chúng ta càng thấy rõ hơn khát vọng và giá trị của hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất đất nước và tự hào về lịch sử, truyền thống

của dân tộc, về Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại, quân và dân Quân khu 4 anh hùng, về tầm quan trọng đặc biệt của hậu phương Quân khu 4 đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội

¹ Bến Thủy, Cửa Hội, Cửa Lò, Gianh, Nhật Lệ.

² Phà Bến Thủy, phà Ghép, phà Gianh (Quốc lộ 1A).

³ Đến cuối năm 1964, lực lượng vũ trang của Quân khu đã được tổ chức kiện toàn, nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Dân quân tự vệ: có 320.000 người. Bộ đội địa phương: Các tỉnh đều có 1 tiểu đoàn bộ binh, huyện có đại đội bộ binh. Các tỉnh và một số huyện trọng điểm được biên chế 1 đại đội (hoặc trung đội), các đơn vị binh chủng, chuyên môn kỹ thuật như pháo binh, cao xạ, công binh, thông tin, trinh sát, quân y,... Bộ đội chủ lực: có 3 sư đoàn bộ binh, 2 trung đoàn pháo phòng không, 1 trung đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh công trình, 1 tiểu đoàn vượt sông, 1 tiểu đoàn phòng hóa, 1 phân đội phóng lôi.

⁴ Mỹ đã sử dụng hơn 1/2 tổng số máy bay và các loại bom đạn, cùng với 3/4 tổng số máy bay chiến lược B.52, hầu hết các loại tàu chiến hiện đại nhất của lực lượng quân sự Mỹ huy động đánh phá miền Bắc để đánh vào Quân khu 4.

⁵ Trong vòng 4 năm (từ tháng 3-1965 đến 10-1968) quân và dân Quân khu 4 đã bắn rơi 1.031 chiếc, đưa tổng số máy bay bị bắn rơi trên địa bàn Quân khu 4 từ ngày 5-8-1964 đến 10-1968 là 1.600 chiếc, bắt sống hàng trăm giặc lái.

⁶ Từ ngày 6-4-1972 đến 15-1-1973 quân và dân Quân khu 4 cùng lực lượng phòng không của Bộ đã phối hợp, đánh thắng liên tiếp nhiều đợt không kích lớn của Mỹ, bắn rơi, bắn cháy 241 máy bay các loại, trong đó có 18 máy bay B.52, bắt sống hàng trăm giặc lái.

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP, KINH TẾ NÔNG THÔN VÀ NÔNG DÂN Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

★ GS, TS, NGND TRẦN ĐỨC VIÊN

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và cam kết các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc đã tác động sâu sắc đến phương thức phát triển, hợp tác thương mại và đầu tư của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân đóng vai trò quan trọng bảo đảm tính bền vững của phát triển kinh tế - xã hội. Thời gian qua, nhiều nghị quyết, chương trình và dự án đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ nông nghiệp, làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn và cải thiện đời sống nông dân¹. Ngành nông nghiệp đạt nhiều thành tựu quan trọng, giữ vai trò lớn trong tăng trưởng và ổn định xã hội, đặc biệt trong những

giai đoạn khó khăn, với cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp, dịch vụ và thu nhập nông dân cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, theo Bộ NNN và PTNT² và Trần Đức Viên³, nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đạt phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Đóng góp của ngành vào GDP và lao động nông nghiệp giảm, thu nhập hộ nông dân chưa cao, nhiều hoạt động còn gây ô nhiễm môi trường.

Bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, đô thị hóa và biến đổi khí hậu đang đồng thời mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với phát

triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và đời sống nông dân. Trong đó, chuyển đổi số được coi là xu hướng tất yếu để hiện đại hóa nông nghiệp, nâng cao năng suất, giá trị và sức cạnh tranh của nông sản, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đồng thời giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh và biến đổi khí hậu⁴. Đồng thời, đô thị hóa nhanh chóng đang làm thay đổi cơ cấu lao động, đất đai và không gian nông thôn, vừa tạo điều kiện phát triển hạ tầng, dịch vụ, việc làm phi nông nghiệp, vừa gây áp lực lớn lên tài nguyên đất đai và sinh kế nông dân. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu với những hiện tượng thời tiết cực đoan, mực nước biển dâng, lũ lụt và hạn hán gia tăng tiếp tục đe dọa an ninh lương thực và sự ổn định của nông nghiệp và nông thôn. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số ở khu vực nông thôn còn gặp nhiều khó khăn do hạ tầng công nghệ yếu kém, khó tiếp cận băng thông rộng, vùng phủ sóng di động hạn chế, tốc độ truyền dữ liệu thấp và chi phí đầu tư cao trong khi mật độ khách hàng lại thấp.

Trước yêu cầu mới của bối cảnh trong và ngoài nước, cần thiết phải đổi

mới quan điểm, định hướng và giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bài viết này nhằm phân tích yêu cầu mới, đánh giá thành tựu và tồn tại, đồng thời đề xuất định hướng, giải pháp phù hợp. Quan điểm được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài KX.04.20/21-25: “Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân gắn với bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu”, trên cơ sở tổng hợp, phân tích nghiên cứu trong và ngoài nước sau Nghị quyết 26-NQ/TW (2008), với dữ liệu từ báo cáo của các bộ ngành, tổ chức quốc tế, công trình khoa học, cùng kết quả khảo sát thực địa: 30 tọa đàm, 3 hội thảo quốc gia và phỏng vấn 3.990 hộ dân ở 7 vùng kinh tế đại diện.

2. Những yêu cầu mới đặt ra đối với phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới. Toàn cầu hóa là quá trình hội nhập kinh tế, xã hội và văn hóa toàn cầu, diễn ra mạnh mẽ nhờ tiến bộ khoa học

Bảng 1: Xu hướng, cơ hội & thách thức đối với nông nghiệp, nông dân và kinh tế nông thôn Việt Nam

Xu hướng	Cơ hội	Thách thức
Toàn cầu hóa & hội nhập kinh tế quốc tế	- Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản. - Tiếp cận công nghệ, vốn, kinh nghiệm quản lý tiên tiến. - Tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. - Tăng nhu cầu về nông sản chất lượng cao, xanh, bền vững.	- Cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế. - Phụ thuộc thị trường & rủi ro từ biến động kinh tế thế giới. - Yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bền vững của nông sản. - Nguy cơ tụt hậu nếu không cải cách kịp thời.
Chuyên môn hóa & phân công lao động quốc tế	- Tận dụng lợi thế so sánh để chuyên môn hóa, tăng năng suất. - Cơ hội nâng cao giá trị gia tăng thông qua liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.	- Dễ bị lệ thuộc vào một số ít sản phẩm & thị trường. - Gia tăng rủi ro khi thị trường biến động, dịch bệnh hoặc thiên tai.
Ứng dụng khoa học - công nghệ & kinh tế số	- Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị nông sản. - Hiện đại hóa sản xuất, quản lý và phân phối. - Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, giảm phát thải.	- Thiếu hạ tầng số và nguồn nhân lực thành thạo công nghệ ở nông thôn. - Khoảng cách số giữa nông thôn và đô thị.
Chuyển dịch lao động quốc tế & đô thị hóa	- Giảm áp lực lao động dư thừa ở nông thôn. - Tăng cơ hội học hỏi, tích lũy vốn & kỹ năng cho lao động.	- Thiếu hụt lao động nông nghiệp chất lượng cao. - Gia tăng già hóa dân số nông thôn, bỏ hoang đất đai.
Phát triển bền vững & tiêu dùng xanh	- Tạo động lực phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, xanh. - Thu hút đầu tư vào các sản phẩm bền vững. - Bảo vệ môi trường & nâng cao hình ảnh sản phẩm Việt Nam.	- Chi phí chuyển đổi cao, thời gian dài để đạt chứng nhận bền vững. - Yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm.
Khu vực hóa & phi toàn cầu hóa	- Cơ hội đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực, tận dụng FTA. - “Nearshoring” giúp Việt Nam trở thành điểm đến sản xuất mới.	- Xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng. - Rủi ro địa - chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng, tăng chi phí sản xuất.
Toàn cầu hóa 4.0 & vai trò của các tập đoàn, cá nhân lớn	- Tận dụng các nền tảng số, thương mại điện tử, marketing toàn cầu. - Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao thương hiệu.	- Bị chi phối bởi các tập đoàn lớn, nguy cơ bị gạt khỏi chuỗi giá trị nếu không nâng cấp sản phẩm & quản trị.

Nguồn: Tổng hợp kết quả nghiên cứu, 2024

- công nghệ, đặc biệt là internet, giúp mở rộng thị trường, tăng thu nhập nhưng đòi hỏi chính sách và hạ tầng phù hợp để giảm rủi ro. Các xu hướng nổi bật gồm: chuyên môn hóa sản xuất theo lợi thế so sánh, ứng dụng công nghệ cao và kinh tế internet⁵, chuyển dịch lao động quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững. Đồng thời, cạnh tranh Mỹ - Trung và sự xuất hiện của các hiệp định, tổ chức mới⁶ khiến hội nhập trở nên phức tạp hơn, với xu hướng toàn cầu hóa 4.0, song cũng kèm theo những biểu hiện của “phi toàn cầu hóa” và “khu vực hóa”, đòi hỏi Việt Nam phải thích ứng linh hoạt và định hình lại chiến lược phát triển.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số, đô thị hóa và biến đổi khí hậu cũng đang định hình sâu sắc nông nghiệp và nông thôn. Chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ theo cách mạng công nghiệp 4.0, thể hiện qua xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, phát triển hạ tầng và nền tảng số, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, quản lý, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm, góp phần hiện đại hóa sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý. Đô thị hóa theo hướng bền vững đang mở rộng không gian đô thị

ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã, hình thành các đô thị chức năng như công nghiệp, cảng, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao⁷, đồng thời phát triển các đô thị mới, hiện đại nhờ lấn biển (Hạ Long, Rạch Giá...), tạo điều kiện cải thiện hạ tầng, dịch vụ và việc làm, nhưng cũng làm gia tăng áp lực chuyển dịch đất đai, lao động khỏi nông nghiệp.

Đặc biệt, thích ứng với biến đổi khí hậu trở nên cấp thiết hơn khi các tác động ngày càng rõ rệt: nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng, bão, lũ, hạn hán và sạt lở đất diễn biến phức tạp⁸. Việt Nam đã cam kết tại COP26 và COP27 đạt phát thải ròng “0” vào 2050, giảm 30% phát thải metan vào 2030, tham gia AIM4C đổi mới hệ thống nông nghiệp. Ba định hướng chính được xác định gồm: chuyển đổi hệ thống lương thực - thực phẩm xanh, ít phát thải, bền vững; đầu tư hạ tầng nông nghiệp, củng cố vai trò hộ gia đình và hợp tác xã; thúc đẩy hợp tác công - tư, ứng dụng công nghệ số và kỹ thuật tiên tiến. Trong bối cảnh đó, phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam cần thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải carbon, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của

nông sản, hiện đại hóa sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách vùng miền, bảo tồn văn hóa và bảo vệ tài nguyên môi trường.

3. Quan điểm phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, đô thị hóa và biến đổi khí hậu diễn biến nhanh chóng, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn không chỉ là yêu cầu cấp thiết trước mắt mà còn là nền tảng, chiến lược lâu dài của đất nước. Thực tiễn cho thấy, dù tỷ trọng trong GDP và lao động có xu hướng giảm, nông nghiệp vẫn giữ vai trò then chốt về kinh tế, an ninh lương thực, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Kinh tế nông thôn tiếp tục là khu vực tạo việc làm, thu nhập tại chỗ và quản lý tài nguyên, môi trường. Nông dân, với lực lượng đông đảo, năng động, là chủ thể quan trọng đóng góp vào phát triển bền vững. Trước yêu cầu mới, cần quán triệt các quan điểm chủ đạo sau:

Thứ nhất, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nền tảng và

chiến lược lâu dài của đất nước, đảm bảo an ninh lương thực, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Nông nghiệp, với giá trị tuyệt đối lớn và khả năng hấp thụ khí nhà kính, tiếp tục giữ vai trò cốt lõi. Kinh tế nông thôn phải phát triển nhanh, tạo việc làm, thu nhập và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Thứ hai, lấy người nông dân làm trung tâm, chủ thể của quá trình phát triển, phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tiếp nhận và làm chủ khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, tận dụng cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0, đô thị hóa, hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nông nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn, giảm phát thải, bảo vệ hệ sinh thái; xây dựng các chuỗi giá trị bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn; gắn kinh tế nông thôn với đô thị, thu hút công nghiệp, dịch vụ, nâng cao đời sống nông thôn tiệm cận đô thị.

Thứ ba, kết hợp hài hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường - văn hóa, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến, dịch vụ, thị trường và hội nhập quốc tế. Cần tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, huy động sự tham gia của toàn xã hội, cộng đồng và khu vực tư nhân. Đồng thời, xây dựng lực lượng nông dân chuyên nghiệp, khuyến khích hợp tác, liên kết, phát triển HTX và doanh nghiệp làm đầu tàu dẫn dắt các chuỗi giá trị, bảo đảm công bằng xã hội và an ninh tài nguyên, môi trường.

Thứ tư, gắn chặt phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với việc thực hiện đồng bộ các định hướng và giải pháp của Nghị quyết 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Nghị quyết 68/NQ-CP về hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; và Nghị định số 68/2025/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã trong bối cảnh mới. Đây là những nền tảng quan trọng để hiện đại hóa nông nghiệp, tăng năng suất, chất lượng, giảm phát thải, phát triển bền vững các mô hình sản xuất - kinh doanh, đẩy mạnh liên kết vùng, chuỗi giá trị, nâng cao năng lực quản trị của nông dân, HTX, doanh nghiệp và thích ứng hiệu quả với những thách thức của thời đại.

4. Định hướng và một số giải pháp phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân trong kỷ nguyên mới

Định hướng

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số và biến đổi khí hậu đặt ra những yêu cầu mới, phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân cần định hình theo các định hướng gắn với sáu trọng tâm chiến lược sau:

Thứ nhất, cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng. Phát triển nông nghiệp tích hợp đa giá trị, trên cơ sở quy hoạch tổng thể, đồng bộ, phát huy lợi thế vùng và địa phương, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Kết hợp hài hòa giữa các tiểu ngành, gắn chặt với công nghiệp chế biến và dịch vụ. Thúc đẩy áp dụng các mô hình nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn, thông minh, công nghệ cao và chính xác, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực, giảm phát thải, bảo vệ hệ sinh thái. Tăng cường trách nhiệm của các chủ thể sản xuất đối với chất lượng, an toàn và môi trường.

Thứ hai, đa dạng hóa sinh kế nông thôn, phát triển kinh tế phi nông nghiệp. Quy hoạch kinh tế nông thôn

gắn chặt với kinh tế đô thị, chủ động thích ứng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Phát triển hạ tầng, dịch vụ và logistics, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng quy mô, tăng tỷ trọng phi nông nghiệp, đảm bảo cân đối, chủ động trước thách thức từ toàn cầu hóa và biến động bên ngoài. Chú trọng các ngành kinh tế xanh, có khả năng chống chịu, đồng thời bảo tồn bản sắc văn hóa nông thôn.

Thứ ba, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao về cả chất lượng sống, dịch vụ xã hội và cảnh quan môi trường. Đảm bảo nông thôn phát triển đồng bộ với đô thị, hài hòa về hạ tầng, dịch vụ công, thu hẹp chênh lệch vùng miền, tăng khả năng chống chịu, bền vững trước tác động của biến đổi khí hậu và các cú sốc kinh tế - xã hội.

Thứ tư, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong nông nghiệp và quản lý nông thôn. Ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy mạnh chuyển đổi số để nông nghiệp, kinh tế nông thôn phát triển hiệu quả, minh bạch, công bằng. Phát triển hạ tầng số, số hóa quản lý, áp dụng công nghệ

trong sản xuất, quản lý chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường và quảng bá sản phẩm. Đây là động lực cốt lõi để thực hiện hiệu quả các nội dung của Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 68/NQ-CP và Nghị định 68/2025/NĐ-CP về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hoàn thiện thể chế kinh tế tập thể, HTX.

Thứ năm, tăng cường liên kết vùng, liên kết chuỗi giá trị, hợp tác công - tư. Huy động tối đa nguồn lực toàn xã hội, ưu tiên tập trung đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm. Khuyến khích hợp tác công - tư, phát triển HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp dẫn dắt, hình thành các chuỗi giá trị nông sản bền vững, mở rộng thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo kỹ năng mới cho nông dân. Trao quyền, hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực, vị thế, được hưởng quyền lợi công bằng. Xây dựng đội ngũ nông dân trẻ, chuyên nghiệp, có trách nhiệm, làm chủ khoa học - công nghệ, kỹ thuật số. Khuyến khích thanh niên khởi nghiệp nông nghiệp, phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ,

tổ hợp tác, HTX, giúp nông dân tiếp cận nguồn lực rẻ hơn, áp dụng quy trình chuẩn, tham gia sâu hơn vào thị trường trong nước và quốc tế.

Một số giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân và kinh tế nông thôn trong kỷ nguyên mới

Để thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, và kinh tế nông thôn trong bối cảnh mới, cần tập trung vào các nhóm giải pháp cụ thể, đồng bộ, gắn với 4 trụ cột phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: thúc đẩy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo (NQ 57), chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng (NQ 59), phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân (NQ 68), và đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thi hành pháp luật (NQ 66).

(1) Đổi mới, hoàn thiện chính sách và pháp luật, phát triển thị trường đầu vào - đầu ra

Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật theo hướng tạo hành lang pháp lý thông thoáng, công bằng, khuyến khích đầu tư từ khu vực tư nhân, nhất là vào công nghiệp chế biến nông sản và phát triển thị trường nông nghiệp bền vững. Thúc đẩy

chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, bảo vệ sản xuất trong nước trước cạnh tranh quốc tế. Tăng cường đầu tư công vào hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước, viễn thông, logistics để phục vụ chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản. Những định hướng này phù hợp với tinh thần Nghị quyết 57 về đổi mới sáng tạo, hoàn thiện thể chế và Nghị định 68/2025/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

(2) Nâng cao hiệu lực lãnh đạo, quản lý và huy động sự tham gia của toàn xã hội

Củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy tính tiên phong, nòng cốt của tổ chức đảng các cấp, kết hợp với sự tham gia đồng bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, quản trị công minh bạch, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công thuận tiện, tạo môi trường dân chủ, công khai cho người dân tham gia giám sát. Các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng cần đổi mới phương thức hoạt động, định hướng rõ ràng vào hỗ trợ

sản xuất, tiêu thụ, ứng phó với rủi ro và thích ứng biến đổi khí hậu, hội nhập toàn diện.

(3) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ

Đầu tư mạnh mẽ cho nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa... trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản và chế biến nông sản, theo đúng định hướng NQ 57 về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu và thị hiếu của thị trường quốc tế. Triển khai các gói công nghệ canh tác tiên tiến, thân thiện với môi trường, giảm phát thải, góp phần thực hiện cam kết khí hậu và tăng khả năng cạnh tranh bền vững.

(4) Đổi mới đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Xây dựng lực lượng nông dân chuyên nghiệp, nông dân trẻ có trình độ, được trang bị kỹ năng quản lý, kỹ năng số, làm chủ công nghệ và hội nhập quốc tế. Đổi mới, nâng cấp hệ thống đào tạo nghề nông nghiệp, gắn chặt với nhu cầu thị trường và chuyển đổi số, coi trọng vị thế nghề nông

ng nghiệp, tăng sức hấp dẫn để thu hút nhân lực trẻ. Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức xã hội trong bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng các chương trình khởi nghiệp sáng tạo cho thanh niên nông thôn.

(5) Huy động nguồn lực xã hội hóa, phát triển hạ tầng nông thôn hiện đại

Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số ở nông thôn; cải thiện hệ thống phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực trọng tâm, tránh dàn trải, chồng chéo, phù hợp với định hướng ưu tiên nguồn lực của Nghị quyết 57 và Nghị định 68/2025/NĐ-CP.

Khuyến khích huy động mạnh mẽ nguồn lực từ khu vực tư nhân, hợp tác công - tư, tập trung vào hạ tầng then chốt: giao thông, logistics, hạ tầng số, hệ thống phòng chống thiên tai. Xây dựng và phát triển các mô hình hạ tầng tích hợp (vật chất + số + môi trường) phù hợp với nhu cầu sản xuất nông nghiệp hiện đại và yêu cầu bảo vệ tài nguyên. Tập trung nguồn lực vào các dự án trọng điểm, tránh dàn trải, tối ưu

hóa hiệu quả đầu tư công, gắn kết phát triển vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, chuyển đổi số, đô thị hóa và biến đổi khí hậu diễn biến nhanh chóng, phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, nông thôn không chỉ là yêu cầu cấp thiết trước mắt mà còn là nền tảng và chiến lược lâu dài của đất nước. Những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua - từ tăng trưởng sản xuất, cải thiện đời sống nông dân, thay đổi bộ mặt nông thôn - khẳng định vai trò to lớn của ba lĩnh vực này đối với kinh tế, xã hội, an ninh lương thực, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Tuy nhiên, quá trình phát triển cũng bộc lộ nhiều tồn tại: tỷ trọng đóng góp GDP và lao động nông nghiệp giảm, thu nhập của hộ nông dân còn thấp, áp lực môi trường ngày càng lớn, trong khi các xu hướng mới như cạnh tranh quốc tế, công nghệ 4.0, khí hậu cực đoan đòi hỏi những thay đổi căn bản về tư duy, định hướng và cách làm. Vì vậy, cần khẳng định rõ: phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, nông thôn chính là chìa khóa để đảm bảo an ninh lương thực, giảm nghèo, nâng cao

năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và gìn giữ hệ sinh thái, văn hóa nông thôn. Ba lĩnh vực này không thể tách rời khỏi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, mà cần được coi là bộ phận chủ động, tích cực của chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng xanh. Quan điểm phát triển bền vững đã được cụ thể hóa trong các trọng tâm: cơ cấu lại ngành theo hướng hiện đại và thích ứng, đa dạng hóa sinh kế, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, tăng cường liên kết vùng - chuỗi giá trị, và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Để thực hiện các định hướng và giải pháp đó, cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách - pháp luật theo tinh thần Nghị quyết 66, tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, công bằng, đặc biệt là thúc đẩy vai trò của kinh tế tư nhân theo Nghị quyết 68, khuyến khích đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp, hạ tầng nông thôn và dịch vụ hỗ trợ. Song song, đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển đổi số theo Nghị quyết 57, nâng cao chất lượng đào tạo

nguồn nhân lực, bồi dưỡng kỹ năng mới cho nông dân, tạo động lực mới cho lực lượng lao động trẻ. Cuối cùng, cần tận dụng cơ hội hội nhập quốc tế sâu rộng theo Nghị quyết 59, mở rộng thị trường, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm, tham gia chủ động vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, nông

thôn trong kỷ nguyên mới đòi hỏi sự cam kết mạnh mẽ và phối hợp đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân và toàn xã hội. Đây không chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội lớn để khẳng định vị thế, bản sắc và sức mạnh nội lực của nông thôn Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển ■

^{1,2} Bộ Nông nghiệp & PTNT (2021), Dự thảo lần 5: *Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2050*.

³ Trần Đức Viên (2024, April 14), “Phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn và nông dân qua 40 năm đổi mới - thực trạng và những vấn đề đặt ra (Phần 1)”. Trang thông tin điện tử của Hội đồng Lý luận Trung ương. <https://hdl.vn>

⁴ Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Thu Quỳnh, Nguyễn Minh Đức, Trần Mạnh Hải, Lưu Văn Duy, Hồ Ngọc Cường (2022, 3/8): “Chuyển đổi số trong nông nghiệp và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam điện tử*.

⁵ Hootsuite, *Social Trends 2021: insights into digital transformation and high-tech in the Internet economy*. Hootsuite Pressroom. <https://www.hootsuite.com>.

⁶ Nguyễn Quốc Trường, “Nhận diện toàn cầu hóa và những cơ hội, thách thức đặt ra với Việt Nam”, <https://m.vcci.com.vn>, 2003.

⁷ Bộ Xây dựng: *Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050: Phát triển đô thị và nông thôn toàn diện cân bằng gắn với quá trình đô thị*. <https://moc.gov.vn>.

⁷ Espagne, E. (Ed.), *Climate change in Việt Nam, Impacts and Adaptation: A COP26 assessment report of the GEMMES Việt Nam project*. Agence Française de Développement. <https://www.afd.fr>, 2021.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THAM MƯU CHIẾN LƯỢC CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

★ TS NGUYỄN MẠNH HÙNG

Hội đồng Lý luận Trung ương

★ PGS, TS LƯU QUỐC ĐẠT

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên nền tảng kết nối và công nghệ số, kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Chuyển đổi số đi liền với những khái niệm mới, tư duy mới, cách thức sản xuất kinh doanh mới, tổ chức quản lý mới làm biến đổi sâu sắc trong nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội với tốc độ nhanh, phạm vi rộng lớn, bao trùm các ngành, lĩnh vực, mang tính hệ thống. Nền kinh tế số, văn hóa số, xã hội số, công dân số ngày càng phổ biến và đóng vai trò quan trọng. Chuyển đổi

số tạo ra không gian phát triển mới, ít bị hạn chế bởi yếu tố địa lý, tạo ra giá trị mới, động lực tăng trưởng mới, tạo ra cơ hội phát triển nhanh, nhảy vọt, rút ngắn, đi thẳng vào hiện đại, thu hẹp khoảng cách phát triển cho các nước đi sau như Việt Nam.

Chuyển đổi số tạo ra cơ hội phát triển chưa từng có cho đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược của các Ban, cơ quan Đảng Trung ương, giúp đội ngũ này tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động, nhưng cũng tạo ra những thách thức không nhỏ đối với đội ngũ này như nguy cơ về tụt hậu về chuyên môn, kỹ năng số; nguy cơ về đảm bảo an ninh thông tin, an toàn dữ

liệu; lạc hậu trong việc nắm bắt các phương pháp phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu khách quan, khoa học; rủi ro liên quan đến tính riêng tư cá nhân,... Nhằm tận dụng những thời cơ, thuận lợi và vượt qua những khó khăn, thách thức của chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược vừa đáp ứng yêu cầu các phẩm chất, năng lực, kỹ năng truyền thống, vừa đáp ứng phẩm chất, năng lực, kỹ năng phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, trong đó đặc biệt chú ý đến một số phẩm chất, năng lực và những yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ này trong bối cảnh chuyển đổi số.

1. Về phẩm chất chính trị

Phẩm chất chính trị không chỉ đảm bảo sự kiên định về tư tưởng và lập trường chính trị, mà còn phản ánh đạo đức, tinh thần trách nhiệm và khả năng kết nối, đổi mới của mỗi cán bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu chiến lược. Các yêu cầu cụ thể của phẩm chất chính trị bao gồm:

Thứ nhất, trung thành tuyệt đối với lợi ích quốc gia, dân tộc

Trung thành tuyệt đối và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc là một yêu cầu mang tính cốt lõi đối với đội ngũ cán

bộ tham mưu chiến lược, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và những thách thức địa chính trị ngày càng phức tạp. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược, với vai trò của mình, cần thể hiện sự trung thành này qua từng quyết định, hành động cụ thể, đồng thời đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc luôn được đặt lên hàng đầu trong mọi hoàn cảnh. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc còn mở rộng sang lĩnh vực an ninh mạng, dữ liệu, bao gồm bảo vệ chủ quyền số, bảo vệ hệ thống dữ liệu quốc gia và đảm bảo mọi chiến lược, chính sách liên quan đến công nghệ và chuyển đổi số đều phục vụ cho lợi ích lâu dài của quốc gia.

Thứ hai, đạo đức cách mạng trong sáng

Đạo đức cách mạng không chỉ đảm bảo đội ngũ cán bộ làm việc công tâm, minh bạch, mà còn tạo niềm tin mạnh mẽ từ Nhân dân vào hệ thống chính trị. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần trung thực, liêm chính và tận tâm phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc, không để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm chi phối. Trong bối cảnh chuyển đổi số, đạo đức cách mạng trong sáng

của đội ngũ cán bộ tham mưu còn được thể hiện ở việc các tham mưu về chiến lược, chính sách liên quan đến công nghệ và quản lý dữ liệu không xâm phạm quyền lợi của người dân hoặc bị chi phối bởi các áp lực từ các tổ chức bên ngoài. Việc ứng dụng công nghệ phải đi kèm với đạo đức công nghệ, đảm bảo rằng các chính sách và công cụ kỹ thuật số được sử dụng minh bạch và vì lợi ích chung. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần đảm bảo rằng mọi ứng dụng công nghệ đều được triển khai với tinh thần trách nhiệm và liêm chính, tránh việc lạm dụng công nghệ vì mục đích không chính đáng.

Thứ ba, tinh thần liêm chính, không vụ lợi

Tinh thần liêm chính, không vụ lợi là phẩm chất giúp đội ngũ tham mưu duy trì sự minh bạch, công bằng trong việc tham mưu và thực thi các chiến lược, chính sách. Trong quá trình tham mưu, đội ngũ cán bộ cần đảm bảo rằng các nội dung tham mưu đều dựa trên dữ liệu khách quan, không bị tác động bởi các áp lực bên ngoài, nhất là các áp lực về tài chính, kinh tế. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh chuyển

đổi số, nơi mà các dự án công nghệ và dữ liệu lớn có thể tạo ra những cơ hội và thách thức liên quan đến minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tinh thần liêm chính không chỉ thể hiện qua việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức, mà còn là trách nhiệm trong việc xây dựng và duy trì một môi trường làm việc không khoan nhượng với tham nhũng, tiêu cực. Họ cần minh bạch trong các quy trình tham mưu, sử dụng ngân sách và triển khai các chiến lược, chính sách, đảm bảo rằng tất cả các quyết định đều phục vụ lợi ích chung thay vì lợi ích cá nhân hoặc nhóm cụ thể. Trong thời đại số, tinh thần liêm chính cần được áp dụng đặc biệt vào các lĩnh vực quản lý dữ liệu và an ninh mạng. Đội ngũ tham mưu chiến lược cần đảm bảo rằng các chính sách công nghệ và dữ liệu không bị sử dụng sai mục đích hoặc phục vụ lợi ích riêng tư, đặc biệt trong các dự án liên quan đến thông tin cá nhân và tài sản số. Họ cũng cần minh bạch trong việc chọn lựa đối tác quốc tế, tránh để các tập đoàn công nghệ hoặc tổ chức nước ngoài lạm dụng các thỏa thuận để trục lợi từ tài sản quốc gia.

Thứ tư, năng lực kết nối và lan tỏa giá trị

Năng lực kết nối và lan tỏa giá trị là một yêu cầu thiết yếu đối với đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược trong bối cảnh chuyển đổi số. Đây không chỉ là khả năng tạo dựng các mối quan hệ bền vững, hiệu quả giữa các tổ chức, cá nhân và quốc gia, mà còn bao gồm việc truyền tải, chia sẻ các giá trị cốt lõi của quốc gia, tổ chức để thúc đẩy sự phát triển toàn diện. Việc lan tỏa các giá trị cốt lõi như văn hóa, đổi mới sáng tạo và tinh thần đoàn kết là yếu tố quan trọng giúp một quốc gia xây dựng bản sắc riêng trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Công nghệ số đang mở ra những cơ hội chưa từng có để kết nối và lan tỏa giá trị. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần tận dụng các nền tảng kỹ thuật số để lan tỏa các giá trị cốt lõi của dân tộc đến với cộng đồng quốc tế, từ đó nâng cao sức mạnh mềm và vị thế quốc gia. Đội ngũ tham mưu chiến lược cần nắm bắt các công cụ công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và thực tế ảo (VR) để xây dựng các chương trình quảng bá văn hóa, lịch sử và các giá trị quốc gia. Đồng thời, họ cần đảm bảo rằng các giá trị

được truyền tải phù hợp với chuẩn mực quốc tế, góp phần xây dựng hình ảnh quốc gia tích cực, thân thiện.

Thứ năm, khả năng đổi mới và chịu trách nhiệm

Đổi mới được xem là yếu tố then chốt giúp các tổ chức và quốc gia duy trì lợi thế và phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần thể hiện khả năng đổi mới thông qua việc nhạy bén nhận diện các xu hướng mới, chẳng hạn như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và công nghệ xanh, đồng thời tham mưu đưa ra các giải pháp chiến lược, chính sách phù hợp với bối cảnh và mục tiêu phát triển của quốc gia. Đổi mới không chỉ đơn thuần là sáng tạo mà còn là khả năng quản lý rủi ro trong quá trình thử nghiệm và triển khai các chính sách mới. Đổi mới cần đi đôi với trách nhiệm, đảm bảo rằng mọi ý tưởng và chính sách mới đều được thiết kế và thực hiện với cam kết mang lại lợi ích bền vững cho đất nước, xã hội.

Đội ngũ tham mưu chiến lược phải thể hiện tinh thần chịu trách nhiệm bằng cách đưa ra các quyết định dựa trên dữ liệu khách quan và phân tích

thực tiễn, sẵn sàng đổi mới với các hậu quả của quyết định và điều chỉnh khi cần thiết. Họ cần đảm bảo rằng mọi hành động của mình đều hướng đến lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và Nhân dân, đồng thời cam kết chịu trách nhiệm giải trình trước các cấp lãnh đạo, tổ chức và Nhân dân.

Thứ sáu, đấu tranh với các quan điểm sai trái

Đấu tranh với các quan điểm sai trái là một yêu cầu quan trọng đối với đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và sự gia tăng của thông tin sai lệch trong không gian mạng. Nhiệm vụ này không chỉ nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách của Nhà nước, mà còn đảm bảo sự ổn định chính trị, xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân vào hệ thống chính trị. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần có khả năng nhận diện, phân tích và đưa ra các biện pháp đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, đặc biệt là những nội dung xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ trên không gian mạng.

Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần phát triển năng lực theo dõi, phân tích và ứng phó với các luồng

thông tin sai lệch một cách nhanh chóng và hiệu quả. Điều này đòi hỏi họ không chỉ hiểu rõ bối cảnh truyền thông quốc tế và trong nước mà còn cần có kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI) để nhận diện, xử lý, đấu tranh phản bác các nội dung sai lệch. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược phải xây dựng các chiến lược truyền thông không chỉ phản bác các quan điểm sai trái mà còn chủ động lan tỏa các giá trị tích cực, thông tin chính thống và chính sách của Đảng và Nhà nước đến với cộng đồng trong và ngoài nước.

2. Năng lực chuyên môn

Trong bối cảnh chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần có năng lực chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng và triển khai tri thức hiện đại; có năng lực phát hiện, kiến giải những vấn đề lý luận, thực tiễn mới; năng lực tổng kết thực tiễn; năng lực tư duy biện chứng; khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu, tiếp cận mới, hiện đại; khả năng thích ứng, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, công nghệ số..., cụ thể:

Thứ nhất, có tư duy hệ thống, tổng hợp, phân tích dựa trên dữ liệu

Đội ngũ tham mưu chiến lược cần đảm bảo rằng các nội dung tham mưu, các quyết định chính sách được đưa ra dựa trên dữ liệu khách quan, không bị ảnh hưởng bởi lợi ích nhóm hoặc cá nhân. Họ cần có năng lực phân tích dữ liệu, đánh giá thực trạng và đề xuất tham mưu điều chỉnh chính sách linh hoạt dựa trên những thay đổi trong bối cảnh thực tiễn. Điều này đòi hỏi họ phải liên tục cập nhật kiến thức, hiểu rõ các xu hướng quốc tế và trong nước, đồng thời áp dụng những công cụ hiện đại như dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý và phân tích dữ liệu, thông tin.

Thứ hai, năng lực xác định và đánh giá nguồn lực quốc gia

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và các thách thức phức tạp như biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng và sự cạnh tranh địa chính trị, việc xác định chính xác các nguồn lực quốc gia và đánh giá hiệu quả sử dụng chúng là nền tảng để tham mưu xây dựng các chiến lược, chính sách phát triển bền vững. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần sở hữu khả năng phân tích toàn diện và tư duy hệ thống để nhận diện các nguồn lực quan

trọng, bao gồm tài nguyên thiên nhiên, con người, tài chính, khoa học công nghệ, văn hóa và vị trí địa chính trị,... từ đó đưa ra các tham mưu, khuyến nghị phù hợp nhằm tối ưu hóa giá trị của những nguồn lực này.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần đặc biệt chú trọng đến việc đánh giá các nguồn lực tri thức, dữ liệu và công nghệ, bởi đây là những yếu tố quyết định sự cạnh tranh của quốc gia trên trường quốc tế trong bối cảnh mới. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nguồn nhân lực và năng lực sáng tạo là hai yếu tố cốt lõi của nguồn lực quốc gia. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần nhận diện và đánh giá chính xác tiềm năng của nguồn nhân lực, bao gồm cả kỹ năng hiện tại và khả năng thích ứng với những yêu cầu mới trong tương lai. Đồng thời, họ cần đề xuất các chính sách phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và sáng tạo.

Thứ ba, năng lực vận dụng kiến thức tổng hợp và linh hoạt

Năng lực vận dụng kiến thức tổng hợp và linh hoạt đòi hỏi sự kết nối liên

ngành và sự nhạy bén trong ứng phó. Đây không chỉ là khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau mà còn là khả năng kết hợp chúng một cách linh hoạt để đưa ra các giải pháp hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Đội ngũ nhân lực tham mưu chiến lược phải đáp ứng yêu cầu này để đảm bảo rằng các tham mưu về chính sách, chiến lược mà họ đề xuất không chỉ có tính toàn diện mà còn khả thi và bền vững. Đội ngũ nhân lực tham mưu chiến lược cần có khả năng tích hợp kiến thức từ các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, công nghệ,... để đưa ra các phân tích và khuyến nghị mang tính đa chiều, toàn diện.

Tính linh hoạt bao gồm khả năng dự đoán các kịch bản khác nhau, xây dựng các chiến lược linh hoạt và sẵn sàng điều chỉnh nhanh chóng khi các yếu tố bên ngoài thay đổi. Linh hoạt không chỉ là khả năng phản ứng mà còn là sự chủ động trong việc dự báo và thích nghi.

Thứ tư, khả năng tham mưu điều chỉnh chiến lược, chính sách theo sự phát triển công nghệ

Sự phát triển công nghệ các công

nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) đến chuỗi khối (Blockchain),... đã tạo ra những thay đổi lớn trong phát triển kinh tế-xã hội, tạo ra những cơ hội mới nhưng cũng đặt ra thách thức đối với việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chính sách. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần thể hiện khả năng linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến lược, chính sách, khai thác hiệu quả các tiến bộ công nghệ, đồng thời kiểm soát được các rủi ro đi kèm để đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc.

Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần hiểu rõ các xu hướng công nghệ mới, đánh giá tác động của chúng đến các lĩnh vực, từ đó tham mưu điều chỉnh các chiến lược, chính sách phát triển để tận dụng các cơ hội từ công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành chủ chốt và tăng cường năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Thứ năm, đảm bảo an ninh thông tin, an ninh dữ liệu

Chuyển đổi số hình thành nên không gian mạng toàn cầu, mang lại những tiện ích to lớn, nhưng cũng xuất hiện nhiều nguy cơ mới đe dọa an ninh của

các quốc gia. Thông qua hệ thống mạng thông tin, các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân có thể tấn công, chiếm đoạt thông tin, tài liệu mật về chính trị, an ninh kinh tế, khoa học - công nghệ,...; có thể tấn công phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm tê liệt hoạt động của một quốc gia, làm tê liệt hoạt động của hệ thống điện, của ngành hàng không, của các ngân hàng, hoạt động của các hệ thống cung cấp nước, của các bệnh viện, trường học... Do vậy, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần phải nhận thức và có năng lực, kỹ năng bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường mạng.

3. Yêu cầu về tầm nhìn

Trong bối cảnh chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần có khát vọng phát triển và chấn hưng đất nước, có tầm nhìn xa, tư duy vượt trước để tham mưu định hướng quá trình phát triển đất nước.

Thứ nhất, khả năng phân tích bối cảnh, dự báo về xu hướng và nguồn lực trong thời đại số

Năng lực phân tích bối cảnh và nhận diện xu thế giúp đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược không chỉ đánh

giá chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược, chính sách phát triển mà còn cần có năng lực dự báo các xu hướng lớn trong thời đại, hiểu rõ sự thay đổi của xã hội, con người và những nguồn lực mới nổi lên trong quá trình chuyển đổi số, để làm nền tảng cho các chiến lược phát triển dài hạn. Họ cần biết sử dụng dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ phân tích tiên tiến khác để phân tích bối cảnh và dự đoán xu hướng chính xác. Họ cần nắm được các phương pháp xây dựng các kịch bản phát triển dựa trên các mô hình phân tích khoa học, đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra không chỉ phù hợp với hiện tại mà còn có khả năng đáp ứng được các nhu cầu phát triển trong tương lai.

Thứ hai, định hướng chiến lược dài hạn cho phát triển

Định hướng chiến lược dài hạn không chỉ đòi hỏi sự thấu hiểu về tình hình hiện tại mà còn cần có tầm nhìn xa, dự báo chính xác các cơ hội và thách thức, cũng như khả năng xây dựng các kế hoạch phát triển bền vững; chủ động đề xuất các chiến lược đột phá dài hạn, làm sáng tỏ được các mục

tiêu ưu tiên và các rủi ro tiềm ẩn trong tiến trình phát triển.

Định hướng chiến lược dài hạn cần được xây dựng trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy, sử dụng các công cụ phân tích hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data). Đội ngũ nhân lực tham mưu chiến lược cần sử dụng các phương pháp này để đưa ra các dự báo chính xác về kinh tế, xã hội và công nghệ, từ đó có những tham mưu, đề xuất phù hợp với điều kiện thực tế của quốc gia và bối cảnh quốc tế. Đồng thời, họ cũng cần tham mưu điều chỉnh các chiến lược, chính sách kịp thời khi có thay đổi lớn, để giữ vững tính linh hoạt và hiệu quả trong thực tiễn.

Thứ ba, khả năng quy tụ và phát triển thế hệ tài năng phù hợp với thời đại chuyển đổi số

Có tầm nhìn chiến lược trong việc thu hút, phát triển nhân tài, đáp ứng yêu cầu đặc thù của thời đại số. Điều này thể hiện qua việc đề xuất các giải pháp thu hút nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia có năng lực đáp ứng các yêu cầu của chuyển đổi số.

Thứ tư, niềm tin sâu sắc vào sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và

khát vọng, niềm tin vào tương lai phát triển của đất nước

Niềm tin sâu sắc vào sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và tương lai phát triển lâu dài, bền vững của đất nước giúp đảm bảo sự thống nhất về tư tưởng trong hệ thống chính trị, mà còn tạo động lực mạnh mẽ để tham mưu xây dựng các chiến lược, chính sách phát triển lâu dài, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và triển vọng phát triển của đất nước. Đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược cần coi đây là động lực cốt lõi để xây dựng tầm nhìn chiến lược, chuyển hóa thách thức thành cơ hội và đề xuất các giải pháp sáng tạo, đột phá tạo nền tảng cho các bước phát triển tương lai trong thời đại số.

4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược các cơ quan Đảng Trung ương trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược tại các cơ quan Đảng Trung ương đã có sự phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, cầu thị

học hỏi, tiếp cận công nghệ số để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tuy nhiên, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược tại các cơ quan Đảng Trung ương so với những yêu cầu đặt ra của chuyển đổi số vẫn còn một số hạn chế: Nhận thức đầy đủ về an ninh mạng, bảo mật thông tin và trách nhiệm trong việc quản lý dữ liệu số,... còn bất cập, dẫn đến nguy cơ rủi ro trong bảo vệ thông tin nhạy cảm của Đảng và Nhà nước; Một số cán bộ chưa được đào tạo đầy đủ về quản lý rủi ro và bảo mật trong môi trường số, làm giảm hiệu quả trong việc áp dụng công nghệ số một cách an toàn và hiệu quả; Nhiều cán bộ vẫn chưa thành thạo trong việc sử dụng các công cụ số hiện đại, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ phân tích và dự báo; Chưa khai thác tối đa tiềm năng của công nghệ số trong tham mưu xây dựng và thực thi các chiến lược, chính sách; Một số cán bộ còn bị giới hạn bởi tư duy truyền thống, tư duy chiến lược còn yếu, thiếu khả năng thích nghi với các thay đổi nhanh chóng của môi trường công nghệ;...

Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng,

Ban Bí thư đã ban hành Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29-11-2024 về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, trong đó nêu rõ quan điểm: “Phát triển đội ngũ cán bộ có đủ kỹ năng và kiến thức về công nghệ số, có khả năng làm chủ các công cụ công nghệ thông tin hiện đại để nâng cao năng suất lao động, sáng tạo và thích ứng với những thay đổi của thời đại”.

Trong thời gian tới, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tại các cơ quan Đảng Trung ương, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ tham mưu ở các cơ quan Đảng Trung ương trong thời đại số; Xây dựng khung tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược tại các cơ quan Đảng Trung ương đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số để định hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ này; Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng Trung ương;... ■